

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v công nhận trúng tuyển Đại học hệ chính quy  
khóa 13 niên khóa 2022 – 2026**

**GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN**

*Căn cứ Quyết định số 1099/QĐ-BKHĐT ngày 18/07/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chính sách và Phát triển;*

*Căn cứ Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ các ngành ngành giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 06 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ điểm chuẩn xét tuyển đại học hệ chính quy năm 2022 theo các phương thức xét tuyển của Học viện Chính sách và Phát triển;*

*Căn cứ biên bản họp Hội đồng tuyển sinh Học viện Chính sách và Phát triển ngày 19/10/2022;*

*Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý đào tạo.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận trúng tuyển đại học hệ chính quy khóa 13 niên khóa 2022 – 2026 (danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên có tên tại Điều 1 có trách nhiệm thực hiện các quy định và hưởng quyền lợi theo quy chế đào tạo trình độ đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Học viện.

**Điều 3.** Trưởng phòng Phòng Quản lý đào tạo, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và các cá nhân có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Các đơn vị thuộc HV;
- Hội đồng HV;
- Hội đồng tuyển sinh;
- Lưu: TC-HC, P.QLĐT.



**GIÁM ĐỐC**

**PGS, TS. Trần Trọng Nguyên**



# DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN

Ban hành kèm theo Quyết định số 15/QĐ-HVCSPT ngày 21 tháng 10 năm 2022 của  
Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển

| STT | Mã hồ sơ   | Họ và tên              | Ngày sinh  | Ngành trúng tuyển | Mã phương thức | Điểm trúng tuyển |
|-----|------------|------------------------|------------|-------------------|----------------|------------------|
| 1   | APD0200619 | ĐÀO THỊ ANH            | 03/11/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP09          | 25.35            |
| 2   | APD0200620 | KHÔNG VĂN ANH          | 31/07/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP09          | 24.8             |
| 3   | APD0200621 | KIM THỊ QUỲNH ANH      | 14/02/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP09          | 25               |
| 4   | APD0200622 | PHẠM TRANG ANH         | 06/08/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP09          | 24.95            |
| 5   | APD0114266 | VŨ HỒNG ANH            | 12/11/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP07          | 26.81            |
| 6   | APD0124357 | HOÀNG NGỌC ANH         | 10/01/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP08          | 29.2             |
| 7   | APD0106489 | LÊ TUẤN ANH            | 05/12/2002 | Ngành Kinh tế số  | HCP08          | 28.1             |
| 8   | APD0200624 | TRẦN NGỌC ANH          | 11/07/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP09          | 24.65            |
| 9   | APD0108440 | HOÀNG THỊ ÁNH          | 10/04/2003 | Ngành Kinh tế số  | DGNL           | 17.3             |
| 10  | APD0100738 | NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH   | 08/07/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP08          | 27.8             |
| 11  | APD0200623 | TRẦN THỊ BẢO CHÂU      | 26/08/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP09          | 25.1             |
| 12  | APD0200626 | BUI THỊ HÀ CHÍ         | 26/08/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP09          | 24.65            |
| 13  | APD0200627 | ĐỒNG LÊ LÊNH CHÍ       | 02/05/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP09          | 26.05            |
| 14  | APD0102712 | ĐỖ KIM CHÍ             | 29/07/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP07          | 27.38            |
| 15  | APD0118966 | NGUYỄN NHƯ CHIẾN       | 25/07/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP07          | 27.1             |
| 16  | APD0200628 | LÊ THỊ THANH CHÚC      | 21/03/2003 | Ngành Kinh tế số  | HCP09          | 25.35            |
| 17  | APD0200633 | ĐẶNG TRẦN ĐẠT          | 15/09/2003 | Ngành Kinh tế số  | HCP09          | 24.8             |
| 18  | APD0200629 | MAI THỊ THU ĐIỂM       | 23/11/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP09          | 24.9             |
| 19  | APD0200634 | HÀ MINH ĐỨC            | 29/10/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP09          | 25.8             |
| 20  | APD0200630 | ĐỖ BẠCH DƯƠNG          | 02/09/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP09          | 24.85            |
| 21  | APD0200631 | NGUYỄN ĐOÀN THỦY DƯƠNG | 02/11/2003 | Ngành Kinh tế số  | HCP09          | 24.6             |
| 22  | APD0105058 | ĐỖ CÔNG ĐẠI DƯƠNG      | 18/03/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP07          | 27.09            |
| 23  | APD0106569 | ĐÀO TRỌNG DUY          | 28/05/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP03          | 27               |
| 24  | APD0100615 | TRỊNH THỊ DUYỀN        | 13/11/2003 | Ngành Kinh tế số  | HCP08          | 27.8             |
| 25  | APD0105681 | NGUYỄN THANH GIANG     | 13/11/2003 | Ngành Kinh tế số  | HCP08          | 27.8             |
| 26  | APD0200636 | NGUYỄN THỊ THU HÀ      | 03/12/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP09          | 24.85            |
| 27  | APD0120232 | NGUYỄN THỊ HẠNH        | 13/07/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP08          | 27.6             |
| 28  | APD0200637 | NGUYỄN THỊ HẬU         | 15/01/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP09          | 24.6             |
| 29  | APD0200638 | ĐỖ THỦY HIỀN           | 02/04/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP09          | 24.95            |
| 30  | APD0200639 | ĐỖ THỊ THU HUỆ         | 26/03/2003 | Ngành Kinh tế số  | HCP09          | 25.4             |
| 31  | APD0113503 | NGUYỄN THẾ HÙNG        | 13/09/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP08          | 27.6             |
| 32  | APD0200642 | TRẦN NGUYỄN HÙNG       | 19/05/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP09          | 24.6             |
| 33  | APD0200643 | CHU THỦY HƯƠNG         | 22/01/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP09          | 25.7             |
| 34  | APD0200644 | DƯƠNG THỊ HƯƠNG        | 15/11/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP09          | 24.9             |
| 35  | APD0200645 | NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG | 03/06/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP09          | 24.75            |
| 36  | APD0200646 | VŨ QUỲNH HƯƠNG         | 27/09/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP09          | 25.3             |
| 37  | APD0200647 | TRẦN THU HƯƠNG         | 08/09/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP09          | 25.5             |
| 38  | APD0200640 | ĐÀO THANH HUYỀN        | 01/08/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP09          | 24.7             |
| 39  | APD0200641 | NGUYỄN THỊ HUYỀN       | 23/11/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP09          | 25.15            |
| 40  | APD0104359 | ĐẶNG THỊ NGỌC HUYỀN    | 05/03/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP08          | 27.75            |
| 41  | APD0116184 | NGUYỄN NGỌC HUYỀN      | 03/03/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP08          | 28.25            |
| 42  | APD0200648 | TRẦN NGỌC KHÁNH        | 24/07/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP09          | 24.9             |
| 43  | APD0114020 | LÊ DƯƠNG QUỐC KHÁNH    | 02/09/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP08          | 27.5             |
| 44  | APD0113462 | ĐÀO DUY KHÁNH          | 09/11/2004 | Ngành Kinh tế số  | DGNL           | 17.85            |
| 45  | APD0106467 | TRẦN TRUNG KIẾN        | 26/01/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP07          | 26.9             |
| 46  | APD0200649 | NGUYỄN THỊ LỆ          | 12/01/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP09          | 25.85            |
| 47  | APD0200650 | BUI NGỌC LINH          | 12/04/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP09          | 25               |
| 48  | APD0200651 | ĐÀM NGUYỄN KHÁNH LINH  | 09/10/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP09          | 25               |
| 49  | APD0200652 | ĐOÀN SĨ LINH           | 03/06/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP09          | 26.45            |
| 50  | APD0200654 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH | 17/07/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP09          | 24.6             |
| 51  | APD0200655 | VŨ THỦY LINH           | 20/08/2003 | Ngành Kinh tế số  | HCP09          | 24.65            |
| 52  | APD0103293 | PHẠM GIA LINH          | 10/11/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP03          | 30               |
| 53  | APD0109326 | ĐOÀN THỦY LINH         | 13/11/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP07          | 26.99            |
| 54  | APD0111137 | MAI THUỶ LINH          | 09/09/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP07          | 27.14            |
| 55  | APD0111089 | VŨ KHÁNH LINH          | 14/09/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP08          | 27.8             |
| 56  | APD0200656 | VŨ THẢO LY             | 01/03/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP09          | 24.65            |
| 57  | APD0101776 | NGUYỄN THỊ XUÂN MAI    | 10/11/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP07          | 26.89            |
| 58  | APD0120070 | PHẠM NGỌC MAI          | 29/03/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP08          | 27.95            |
| 59  | APD0102763 | HOÀNG THỊ MAI          | 03/04/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP08          | 27.85            |
| 60  | APD0124879 | LÊ NGỌC MAI            | 21/02/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP08          | 27.65            |
| 61  | APD0108166 | BUI CÔNG MẠNH          | 14/03/2004 | Ngành Kinh tế số  | DGNL           | 18               |
| 62  | APD0104926 | NGUYỄN ĐÌNH MINH       | 25/07/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP08          | 27.6             |
| 63  | APD0116039 | NGUYỄN CÔNG NAM        | 06/09/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP03          | 27               |
| 64  | APD0105680 | ĐẶNG PHƯƠNG NAM        | 27/01/2004 | Ngành Kinh tế số  | HCP08          | 28.3             |



|     |            |                         |            |                  |       |       |
|-----|------------|-------------------------|------------|------------------|-------|-------|
| 65  | APD0200657 | BUI THI LINH NGOC       | 27/03/2004 | Ngành Kinh tế số | HCP09 | 25.15 |
| 66  | APD0200658 | THAN THI NGOC           | 27/01/2004 | Ngành Kinh tế số | HCP09 | 24.9  |
| 67  | APD0102685 | VU THANH NGOC           | 14/10/2004 | Ngành Kinh tế số | HCP07 | 27.71 |
| 68  | APD0200659 | NGUYEN KHANH NGUYEN     | 14/10/2004 | Ngành Kinh tế số | HCP09 | 24.7  |
| 69  | APD0116461 | NGUYEN ANH NGUYET       | 23/11/2004 | Ngành Kinh tế số | HCP03 | 27.25 |
| 70  | APD0115165 | NGUYEN THI TU NHAN      | 18/05/2004 | Ngành Kinh tế số | HCP08 | 28.45 |
| 71  | APD0200660 | TRINH Y NHI             | 27/09/2004 | Ngành Kinh tế số | HCP09 | 25.65 |
| 72  | APD0200661 | PHAM THI HONG NHUNG     | 08/04/2004 | Ngành Kinh tế số | HCP09 | 25.35 |
| 73  | APD0200662 | VU DOAN TRANG NHUNG     | 03/12/2004 | Ngành Kinh tế số | HCP09 | 24.65 |
| 74  | APD0200663 | TRINH THI OANH          | 12/09/2004 | Ngành Kinh tế số | HCP09 | 24.65 |
| 75  | APD0124668 | NGUYEN TRONG PHUC       | 29/09/2003 | Ngành Kinh tế số | HCP03 | 27    |
| 76  | APD0200664 | PHAM ANH PHUONG         | 01/11/2004 | Ngành Kinh tế số | HCP09 | 24.8  |
| 77  | APD0107162 | NGUYEN LAM PHUONG       | 11/08/2004 | Ngành Kinh tế số | HCP03 | 27    |
| 78  | APD0200666 | NGUYEN ANH QUAN         | 31/05/2004 | Ngành Kinh tế số | HCP09 | 24.95 |
| 79  | APD0200665 | NGUYEN XUAN QUANG       | 09/08/2004 | Ngành Kinh tế số | HCP09 | 25.5  |
| 80  | APD0200667 | LÀ THI NGOC QUY         | 27/01/2004 | Ngành Kinh tế số | HCP09 | 25.25 |
| 81  | APD0200669 | TRINH NHU QUYNH         | 02/07/2004 | Ngành Kinh tế số | HCP09 | 25    |
| 82  | APD0101059 | MAI THUY QUYNH          | 20/08/2004 | Ngành Kinh tế số | HCP07 | 26.59 |
| 83  | APD0200670 | ĐANG THI SON            | 15/07/2004 | Ngành Kinh tế số | HCP09 | 24.6  |
| 84  | APD0200671 | VU HUYEN THANH          | 25/09/2004 | Ngành Kinh tế số | HCP09 | 24.8  |
| 85  | APD0110933 | NGUYEN THI PHUONG THANH | 12/07/2004 | Ngành Kinh tế số | HCP03 | 27.5  |
| 86  | APD0200672 | ĐANG THI NHU THAO       | 24/10/2004 | Ngành Kinh tế số | HCP09 | 24.95 |
| 87  | APD0200673 | NGUYEN THI THANH THAO   | 01/10/2004 | Ngành Kinh tế số | HCP09 | 25.8  |
| 88  | APD0200674 | NGUYEN THI THU THAO     | 11/03/2003 | Ngành Kinh tế số | HCP09 | 24.9  |
| 89  | APD0200675 | NGUYEN TRAN PHUONG THAO | 03/08/2004 | Ngành Kinh tế số | HCP09 | 25.15 |
| 90  | APD0104163 | LÊ PHUONG THAO          | 31/08/2003 | Ngành Kinh tế số | HCP07 | 26.62 |
| 91  | APD0109269 | NGUYEN THI THU          | 13/02/2003 | Ngành Kinh tế số | DGNL  | 18.9  |
| 92  | APD0200678 | PHAN THI THUONG         | 16/01/2004 | Ngành Kinh tế số | HCP09 | 25.1  |
| 93  | APD0108584 | NGUYEN THI THUONG       | 04/11/2003 | Ngành Kinh tế số | HCP04 | 27.85 |
| 94  | APD0200679 | TRAN KHANH TOAN         | 22/02/2004 | Ngành Kinh tế số | HCP09 | 24.65 |
| 95  | APD0200680 | ĐUONG PHAN HUYEN TRANG  | 01/04/2004 | Ngành Kinh tế số | HCP09 | 25.2  |
| 96  | APD0200681 | NGUYEN THI THU TRANG    | 22/12/2004 | Ngành Kinh tế số | HCP09 | 24.7  |
| 97  | APD0200682 | NGUYEN THI THU TRANG    | 14/07/2004 | Ngành Kinh tế số | HCP09 | 25.05 |
| 98  | APD0200683 | NGUYEN THI THU TRANG    | 12/12/2004 | Ngành Kinh tế số | HCP09 | 24.65 |
| 99  | APD0200684 | PHAM THI KIEU TRANG     | 27/08/2004 | Ngành Kinh tế số | HCP09 | 24.85 |
| 100 | APD0200685 | THAN HUYEN TRANG        | 17/10/2004 | Ngành Kinh tế số | HCP09 | 24.95 |
| 101 | APD0200686 | VU THI HUYEN TRANG      | 06/08/2004 | Ngành Kinh tế số | HCP09 | 25.15 |
| 102 | APD0112326 | ĐO THI TRANG            | 10/06/2004 | Ngành Kinh tế số | HCP07 | 28.23 |
| 103 | APD0122778 | TRAN THI THANH TRANG    | 27/02/2004 | Ngành Kinh tế số | HCP08 | 27.85 |
| 104 | APD0124602 | PHAM HONG TRANG         | 17/06/2004 | Ngành Kinh tế số | HCP08 | 28.25 |
| 105 | APD0124787 | LÊ QUYNH TRANG          | 25/03/2004 | Ngành Kinh tế số | HCP08 | 29.75 |
| 106 | APD0200688 | NGUYEN CAM TU           | 29/09/2004 | Ngành Kinh tế số | HCP09 | 24.65 |
| 107 | APD0112590 | NGUYEN MINH TUÊ         | 24/04/2004 | Ngành Kinh tế số | HCP04 | 26.45 |
| 108 | APD0105041 | TRAN THI ANH TUYET      | 01/08/2003 | Ngành Kinh tế số | HCP07 | 26.59 |
| 109 | APD0200689 | PHAM TO UYEN            | 16/06/2004 | Ngành Kinh tế số | HCP09 | 24.65 |
| 110 | APD0120963 | NGUYEN THI THU UYEN     | 20/10/2004 | Ngành Kinh tế số | HCP08 | 27.6  |
| 111 | APD0116950 | NGUYEN HA VY            | 02/07/2004 | Ngành Kinh tế số | HCP07 | 26.53 |
| 112 | APD0200690 | LUC THI HONG XOAN       | 31/08/2004 | Ngành Kinh tế số | HCP09 | 25.95 |
| 113 | APD0200691 | LÊ THI XUAN             | 23/12/2004 | Ngành Kinh tế số | HCP09 | 24.6  |
| 114 | APD0200692 | NGUYEN NGOC XUAN        | 27/04/2004 | Ngành Kinh tế số | HCP09 | 26    |
|     |            |                         |            | Ngành Kinh tế số | 114   |       |
| 115 | APD0201064 | ĐANG THI PHUONG ANH     | 23/07/2004 | Ngành Kế toán    | HCP09 | 25.7  |
| 116 | APD0115958 | NGUYEN MAI ANH          | 27/10/2004 | Ngành Kế toán    | HCP08 | 28.1  |
| 117 | APD0101387 | NGUYEN BA DUC ANH       | 09/11/2004 | Ngành Kế toán    | HCP08 | 28.55 |
| 118 | APD0201065 | HÀ THI MINH ANH         | 22/02/2004 | Ngành Kế toán    | HCP09 | 26.1  |
| 119 | APD0201066 | LUU NGOC ANH            | 23/09/2004 | Ngành Kế toán    | HCP09 | 25.3  |
| 120 | APD0201067 | NGUYEN THI ANH          | 20/09/2004 | Ngành Kế toán    | HCP09 | 25.2  |
| 121 | APD0201068 | NGUYEN THI KIM CHI      | 05/10/2004 | Ngành Kế toán    | HCP09 | 25.25 |
| 122 | APD0201069 | PHAN THI CHINH          | 15/01/2004 | Ngành Kế toán    | HCP09 | 25.5  |
| 123 | APD0116923 | NGUYEN THI LINH DAN     | 22/10/2004 | Ngành Kế toán    | HCP08 | 28.15 |
| 124 | APD0201072 | TRAN THI DAO            | 16/08/2004 | Ngành Kế toán    | HCP09 | 25.2  |
| 125 | APD0102387 | LUONG THI DAO           | 01/02/2004 | Ngành Kế toán    | HCP08 | 28.05 |
| 126 | APD0201071 | NGUYEN THUY DUONG       | 01/09/2004 | Ngành Kế toán    | HCP09 | 25.15 |
| 127 | APD0104434 | NGUYEN THI HAI DUYEN    | 04/04/2004 | Ngành Kế toán    | HCP08 | 27.9  |
| 128 | APD0201073 | LAI THI GIANG           | 19/01/2004 | Ngành Kế toán    | HCP09 | 25.2  |
| 129 | APD0201074 | NGUYEN THI KIM GIANG    | 01/04/2004 | Ngành Kế toán    | HCP09 | 25.05 |
| 130 | APD0201075 | NGUYEN NGOC HÀ          | 05/05/2004 | Ngành Kế toán    | HCP09 | 25.1  |
| 131 | APD0110207 | HOANG THI THU HÀ        | 18/10/2004 | Ngành Kế toán    | HCP08 | 28.5  |
| 132 | APD0106212 | ĐANG THUY HANG          | 27/03/2004 | Ngành Kế toán    | HCP07 | 27.22 |
| 133 | APD0102691 | NGUYEN THI THU HANG     | 01/06/2004 | Ngành Kế toán    | HCP07 | 28.45 |
| 134 | APD0201076 | CÙ THI MY HANH          | 16/08/2004 | Ngành Kế toán    | HCP09 | 25.5  |



|     |            |                        |            |               |       |       |
|-----|------------|------------------------|------------|---------------|-------|-------|
| 135 | APD0201077 | NGUYỄN THỊ HIỀN        | 08/02/2004 | Ngành Kế toán | HCP09 | 25    |
| 136 | APD0114767 | NGUYỄN THỊ THU HIỀN    | 31/01/2004 | Ngành Kế toán | HCP08 | 27.85 |
| 137 | APD0121276 | ĐẶNG DUY HOÀNG         | 07/10/2004 | Ngành Kế toán | DGNL  | 18.7  |
| 138 | APD0113282 | NGUYỄN THỊ DUYỄN HỒNG  | 06/07/2004 | Ngành Kế toán | HCP07 | 28.02 |
| 139 | APD0115330 | MAI THỊ HỒNG           | 26/10/2004 | Ngành Kế toán | HCP08 | 28.55 |
| 140 | APD0201078 | PHÒNG THỊ HUỆ          | 09/03/2004 | Ngành Kế toán | HCP09 | 25.75 |
| 141 | APD0201079 | HÀ KHÁNH HUYỀN         | 25/08/2003 | Ngành Kế toán | HCP09 | 25.05 |
| 142 | APD0201080 | TRIỆU THỊ THU HUYỀN    | 29/07/2004 | Ngành Kế toán | HCP09 | 25.2  |
| 143 | APD0201031 | TRẦN THỊ THU HUYỀN     | 26/09/2004 | Ngành Kế toán | HCP09 | 25    |
| 144 | APD0201082 | VŨ NGỌC HUYỀN          | 10/07/2004 | Ngành Kế toán | HCP09 | 25.2  |
| 145 | APD0117841 | ĐỖ THỊ NGỌC HUYỀN      | 13/08/2004 | Ngành Kế toán | HCP07 | 27.19 |
| 146 | APD0104983 | TRẦN THỊ THANH HUYỀN   | 16/10/2004 | Ngành Kế toán | HCP07 | 27.98 |
| 147 | APD0122380 | NGUYỄN THỊ HUYỀN       | 05/11/2004 | Ngành Kế toán | HCP08 | 27.8  |
| 148 | APD0108177 | NGUYỄN THỊ THU HUYỀN   | 26/07/2004 | Ngành Kế toán | HCP08 | 28.35 |
| 149 | APD0201083 | PHẠM THỊ NGỌC LAN      | 07/05/2004 | Ngành Kế toán | HCP09 | 26.35 |
| 150 | APD0124563 | NGUYỄN NGỌC LAN        | 02/12/2004 | Ngành Kế toán | DGNL  | 18.15 |
| 151 | APD0201084 | BUI THỊ THUY LINH      | 19/10/2004 | Ngành Kế toán | HCP09 | 25.1  |
| 152 | APD0201086 | NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH  | 04/09/2004 | Ngành Kế toán | HCP09 | 25.2  |
| 153 | APD0201087 | NGUYỄN THUY LINH       | 02/01/2004 | Ngành Kế toán | HCP09 | 25.35 |
| 154 | APD0201088 | VŨ THUY LINH           | 10/09/2004 | Ngành Kế toán | HCP09 | 25.23 |
| 155 | APD0100425 | BUI DIỆU LINH          | 09/08/2004 | Ngành Kế toán | HCP08 | 29.05 |
| 156 | APD0201089 | CẦN DIỆU LY            | 29/08/2004 | Ngành Kế toán | HCP09 | 25.25 |
| 157 | APD0201090 | HOÀNG KHÁNH LY         | 13/08/2004 | Ngành Kế toán | HCP09 | 25.75 |
| 158 | APD0201091 | NGUYỄN THỊ KHÁNH LY    | 23/09/2004 | Ngành Kế toán | HCP09 | 25.35 |
| 159 | APD0124358 | HUỖ YẾN MAI            | 17/11/2004 | Ngành Kế toán | HCP08 | 27.85 |
| 160 | APD0201092 | ĐẶNG HOÀNG MINH        | 27/04/2004 | Ngành Kế toán | HCP09 | 25    |
| 161 | APD0201093 | TRẦN ĐÌNH MINH         | 29/09/2004 | Ngành Kế toán | HCP09 | 25.15 |
| 162 | APD0116308 | VŨ NGÀ MY              | 23/08/2004 | Ngành Kế toán | HCP08 | 27.9  |
| 163 | APD0201094 | LÔ THỊ NAM             | 05/10/2004 | Ngành Kế toán | HCP09 | 28.05 |
| 164 | APD0107086 | BUI HỒNG NGA           | 11/02/2004 | Ngành Kế toán | HCP08 | 28.7  |
| 165 | APD0117129 | NGUYỄN THỊ KIM NGÂN    | 26/05/2004 | Ngành Kế toán | HCP07 | 27.16 |
| 166 | APD0108504 | PHAN HOÀNG KIM NGÂN    | 17/01/2004 | Ngành Kế toán | HCP08 | 27.85 |
| 167 | APD0201096 | NGUYỄN HOÀNG BẢO NGỌC  | 28/04/2004 | Ngành Kế toán | HCP09 | 25.5  |
| 168 | APD0116232 | NGUYỄN ANH NGỌC        | 31/07/2004 | Ngành Kế toán | HCP07 | 29.42 |
| 169 | APD0114247 | TRẦN THỊ MỸ NGỌC       | 08/02/2004 | Ngành Kế toán | HCP08 | 28.2  |
| 170 | APD0201098 | PHẠM QUỲNH NHƯ         | 09/10/2004 | Ngành Kế toán | HCP09 | 25.1  |
| 171 | APD0201097 | TRẦN THỊ HỒNG NHUNG    | 09/09/2004 | Ngành Kế toán | HCP09 | 25.45 |
| 172 | APD0109736 | HOÀNG KHÁNH NHUNG      | 14/10/2004 | Ngành Kế toán | HCP01 | 28.25 |
| 173 | APD0103683 | ĐỖ THỊ HỒNG NHUNG      | 07/03/2004 | Ngành Kế toán | HCP08 | 28.15 |
| 174 | APD0101578 | LÊ KHÁNH NINH          | 29/07/2003 | Ngành Kế toán | HCP07 | 27.04 |
| 175 | APD0201099 | NGÔ THỊ KIỀU OANH      | 20/03/2004 | Ngành Kế toán | HCP09 | 26    |
| 176 | APD0100812 | ĐỖ NHƯ PHÚC            | 29/09/2004 | Ngành Kế toán | HCP08 | 28.05 |
| 177 | APD0201100 | LÊ THỊ YẾN PHƯƠNG      | 20/05/2004 | Ngành Kế toán | HCP09 | 25.15 |
| 178 | APD0105721 | NGUYỄN THỊ THUY PHƯƠNG | 08/02/2004 | Ngành Kế toán | HCP08 | 27.9  |
| 179 | APD0207001 | VŨ THỊ LAN PHƯƠNG      | 13/05/2004 | Ngành Kế toán | HCP09 | 25.15 |
| 180 | APD0201101 | ĐỖ NHƯ QUỲNH           | 11/11/2004 | Ngành Kế toán | HCP09 | 25.55 |
| 181 | APD0201102 | NGÔ THANH TÂM          | 09/02/2004 | Ngành Kế toán | HCP09 | 26.45 |
| 182 | APD0105280 | LÊ THỊ THANH THANH     | 25/07/2004 | Ngành Kế toán | HCP08 | 28.1  |
| 183 | APD0201105 | NGUYỄN PHƯƠNG THẢO     | 01/09/2004 | Ngành Kế toán | HCP09 | 25    |
| 184 | APD0201106 | TRẦN PHƯƠNG THẢO       | 25/10/2004 | Ngành Kế toán | HCP09 | 25.15 |
| 185 | APD0201107 | TRẦN PHƯƠNG THẢO       | 20/04/2004 | Ngành Kế toán | HCP09 | 25.05 |
| 186 | APD0201108 | VŨ PHƯƠNG THẢO         | 22/08/2004 | Ngành Kế toán | HCP09 | 25.65 |
| 187 | APD0201109 | TẠ QUANG THIÊN         | 16/10/2004 | Ngành Kế toán | HCP09 | 25.6  |
| 188 | APD0201110 | ĐINH DIỆU THU          | 25/09/2004 | Ngành Kế toán | HCP09 | 25.35 |
| 189 | APD0201111 | ÔNG THỊ THU            | 16/09/2004 | Ngành Kế toán | HCP09 | 25.75 |
| 190 | APD0108604 | ĐÀO MAI THU            | 18/04/2004 | Ngành Kế toán | HCP08 | 28.1  |
| 191 | APD0201112 | NGUYỄN ANH THƯ         | 04/05/2004 | Ngành Kế toán | HCP09 | 25.3  |
| 192 | APD0104757 | BUI THỊ ANH THƯ        | 20/03/2004 | Ngành Kế toán | HCP08 | 28.3  |
| 193 | APD0201113 | PHẠM CẨM THƯƠNG        | 31/05/2004 | Ngành Kế toán | HCP09 | 25.2  |
| 194 | APD0102509 | HÀ THỊ THỦY            | 28/08/2004 | Ngành Kế toán | HCP08 | 27.9  |
| 195 | APD0123556 | NGUYỄN ĐỨC TIẾN        | 16/11/2004 | Ngành Kế toán | HCP08 | 27.9  |
| 196 | APD0118190 | TẠ THANH TRÀ           | 03/10/2004 | Ngành Kế toán | HCP08 | 28.1  |
| 197 | APD0201115 | PHAN THỊ TRANG         | 28/04/2004 | Ngành Kế toán | HCP09 | 25.35 |
| 198 | APD0201116 | VŨ HUYỀN TRANG         | 29/01/2004 | Ngành Kế toán | HCP09 | 25.55 |
| 199 | APD0103545 | ĐỖ THỊ TRANG           | 24/10/2004 | Ngành Kế toán | HCP07 | 27.42 |
| 200 | APD0103116 | HÀ THU TRANG           | 17/08/2004 | Ngành Kế toán | HCP07 | 27.25 |
| 201 | APD0107026 | NGUYỄN THỊ TRANG       | 30/03/2004 | Ngành Kế toán | HCP07 | 27.39 |
| 202 | APD0109806 | PHẠM THỊ THUY TRANG    | 03/09/2004 | Ngành Kế toán | DGNL  | 18.45 |
| 203 | APD0112362 | LÊ THỊ THANH TRÚC      | 25/05/2004 | Ngành Kế toán | HCP08 | 27.85 |
| 204 | APD0104030 | NGUYỄN THỊ THANH TRÚC  | 31/05/2004 | Ngành Kế toán | HCP08 | 27.85 |
| 205 | APD0119589 | LƯU THỊ ANH TUYẾT      | 08/07/2004 | Ngành Kế toán | HCP08 | 27.9  |



|     |            |                       |            |               |       |       |
|-----|------------|-----------------------|------------|---------------|-------|-------|
| 206 | APD0102934 | HOÀNG THỊ TƯỜNG VÂN   | 24/02/2004 | Ngành Kế toán | HCP07 | 27.62 |
| 207 | APD0124292 | TRỊNH KHÁNH VÂN       | 01/01/2004 | Ngành Kế toán | HCP08 | 27.9  |
| 208 | APD0201117 | NGUYỄN THỊ XOAN       | 02/07/2004 | Ngành Kế toán | HCP09 | 26.05 |
| 209 | APD0201118 | PHẠM THỊ HẢI YẾN      | 10/06/2004 | Ngành Kế toán | HCP09 | 25.45 |
|     |            | Ngành Kế toán         |            | 95            |       |       |
| 210 | APD0200092 | CAO THỊ AN            | 09/10/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 25.05 |
| 211 | APD0200093 | HOÀNG THỊ THU AN      | 24/09/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.25 |
| 212 | APD0200094 | NGUYỄN THỊ AN         | 27/12/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.4  |
| 213 | APD0111246 | HÀ HOÀI AN            | 08/04/2004 | Ngành Kinh tế | HCP08 | 28    |
| 214 | APD0200095 | BÙI NGỌC ANH          | 28/03/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.3  |
| 215 | APD0200096 | BÙI TÔ VIỆT ANH       | 21/09/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.85 |
| 216 | APD0200097 | DƯƠNG THỊ VÂN ANH     | 04/10/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.95 |
| 217 | APD0200098 | ĐỖ THỊ MAI ANH        | 10/12/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.9  |
| 218 | APD0200099 | ĐỖ THỊ NGỌC ANH       | 03/04/2003 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 25.2  |
| 219 | APD0200100 | HÀ KIỀU ANH           | 20/02/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.5  |
| 220 | APD0200102 | LÊ THỊ LAN ANH        | 21/01/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 25.4  |
| 221 | APD0200103 | LƯƠNG HOA ANH         | 06/04/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.55 |
| 222 | APD0200104 | MAI QUỲNH ANH         | 23/09/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 25.25 |
| 223 | APD0200106 | NGUYỄN NGỌC ANH       | 05/10/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.3  |
| 224 | APD0200107 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH | 30/06/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.95 |
| 225 | APD0200108 | TÀ NGỌC ANH           | 12/09/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.2  |
| 226 | APD0200109 | TÀ THỊ CHÂU ANH       | 19/03/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.25 |
| 227 | APD0200110 | TRẦN TỬ ANH           | 26/07/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.3  |
| 228 | APD0124389 | NGUYỄN THỊ MAI ANH    | 14/12/2004 | Ngành Kinh tế | HCP07 | 27.08 |
| 229 | APD0107106 | HỒ THỊ THÚY ANH       | 07/01/2004 | Ngành Kinh tế | HCP08 | 27.7  |
| 230 | APD0102916 | NGUYỄN LAN ANH        | 06/01/2003 | Ngành Kinh tế | HCP08 | 27.6  |
| 231 | APD0114274 | TRẦN HOÀNG ANH        | 27/12/2004 | Ngành Kinh tế | HCP08 | 27.85 |
| 232 | APD0124169 | TRẦN PHƯƠNG ANH       | 15/12/2004 | Ngành Kinh tế | HCP08 | 27.65 |
| 233 | APD0104116 | NGUYỄN THỊ LAN ANH    | 09/02/2004 | Ngành Kinh tế | HCP08 | 28.25 |
| 234 | APD0101210 | NGUYỄN THỊ LAN ANH    | 22/01/2004 | Ngành Kinh tế | HCP08 | 27.5  |
| 235 | APD0200111 | NGUYỄN THỊ ÁNH        | 08/01/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.3  |
| 236 | APD0200112 | NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH   | 02/09/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.5  |
| 237 | APD0200113 | TRẦN THỊ NGỌC ÁNH     | 08/08/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 25.6  |
| 238 | APD0110723 | NGUYỄN ĐĂNG BÁCH      | 03/02/2004 | Ngành Kinh tế | HCP08 | 27.85 |
| 239 | APD0200114 | NGUYỄN ĐỨC BẢO        | 08/09/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.9  |
| 240 | APD0112554 | PHẠM QUỐC BẢO         | 06/09/2004 | Ngành Kinh tế | HCP03 | 26.25 |
| 241 | APD0200115 | NGUYỄN MẠNH BÌNH      | 12/09/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.45 |
| 242 | APD0200116 | QUÁCH THANH BÌNH      | 10/10/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.3  |
| 243 | APD0124582 | VŨ THỊ TIỂU CHÂM      | 07/02/2004 | Ngành Kinh tế | HCP01 | 26    |
| 244 | APD0109727 | NGUYỄN NGỌC CHÂM      | 14/02/2004 | Ngành Kinh tế | HCP08 | 27.75 |
| 245 | APD0200117 | NGUYỄN HUỆ CHI        | 02/11/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.9  |
| 246 | APD0200118 | NGUYỄN LINH CHI       | 13/02/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.2  |
| 247 | APD0200119 | NGUYỄN THỊ YẾN CHI    | 28/08/2003 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.6  |
| 248 | APD0103735 | ĐINH THỊ KIM CHI      | 25/05/2004 | Ngành Kinh tế | HCP07 | 27.12 |
| 249 | APD0112625 | ĐÀM THỊ UYÊN CHI      | 06/09/2004 | Ngành Kinh tế | HCP08 | 28.45 |
| 250 | APD0110464 | TRỊNH KIM CHI         | 11/05/2004 | Ngành Kinh tế | HCP08 | 28.95 |
| 251 | APD0200129 | CAO NỮ LINH ĐAN       | 27/09/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 25.45 |
| 252 | APD0200130 | PHAN VĂN ĐẠT          | 10/10/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.2  |
| 253 | APD0122147 | HOÀNG QUỐC ĐẠT        | 16/05/2004 | Ngành Kinh tế | HCP08 | 28.05 |
| 254 | APD0207002 | ĐÀO QUANG ĐẠT         | 25/03/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.85 |
| 255 | APD0112581 | HOÀNG NGỌC DIỄN       | 18/09/2004 | Ngành Kinh tế | HCP08 | 27.7  |
| 256 | APD0200120 | NGUYỄN NGỌC DIỆP      | 11/01/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.9  |
| 257 | APD0200121 | TRẦN THỊ DIU          | 12/05/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.2  |
| 258 | APD0102968 | NGUYỄN DUY ĐỒNG       | 12/12/2003 | Ngành Kinh tế | HCP08 | 27.9  |
| 259 | APD0200132 | BÙI ANH ĐỨC           | 03/09/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.6  |
| 260 | APD0200133 | NGUYỄN ANH ĐỨC        | 20/01/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.35 |
| 261 | APD0200122 | BÙI THỊ THÚY DUNG     | 21/01/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.45 |
| 262 | APD0200123 | LÊ THỊ DUNG           | 23/12/2003 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.9  |
| 263 | APD0200124 | NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG  | 25/07/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.35 |
| 264 | APD0200125 | PHẠM TUYẾT DUNG       | 17/12/2003 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.3  |
| 265 | APD0200126 | UÔNG THỊ DUNG         | 11/11/2003 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 25.05 |
| 266 | APD0200127 | VÔ TÁ DUNG            | 07/02/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 25.05 |
| 267 | APD0102926 | SIN THỊ DƯƠNG         | 07/05/2004 | Ngành Kinh tế | HCP08 | 29.15 |
| 268 | APD0200128 | NGUYỄN ĐỨC DUY        | 05/01/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.45 |
| 269 | APD0200134 | ĐỖ HƯƠNG GIANG        | 23/03/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.35 |
| 270 | APD0200135 | ĐOÀN THỊ GIANG        | 26/02/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.4  |
| 271 | APD0200136 | NGUYỄN LINH GIANG     | 14/03/2003 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 26.75 |
| 272 | APD0200137 | NGUYỄN THỊ TIỀN GIANG | 02/05/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.2  |
| 273 | APD0200138 | TRẦN THỊ HƯƠNG GIANG  | 26/05/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.85 |
| 274 | APD0108794 | ĐÀO THỊ TRÁ GIANG     | 01/07/2003 | Ngành Kinh tế | HCP08 | 27.7  |
| 275 | APD0200139 | NGUYỄN TRỌNG GIÁP     | 14/06/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.35 |



|     |            |                         |            |               |       |       |
|-----|------------|-------------------------|------------|---------------|-------|-------|
| 276 | APD0200140 | LÊ THU HÀ               | 28/09/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.35 |
| 277 | APD0200141 | NGUYỄN THỊ HÀ           | 12/07/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.35 |
| 278 | APD0200142 | NGUYỄN THỊ HÀ           | 23/08/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.6  |
| 279 | APD0200145 | PHẠM VĂN HÀ             | 05/03/2003 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.55 |
| 280 | APD0200147 | NGUYỄN THỊ NGỌC HẢI     | 02/02/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.6  |
| 281 | APD0102997 | NGUYỄN NGỌC HÂN         | 04/07/2004 | Ngành Kinh tế | HCP08 | 27.55 |
| 282 | APD0200152 | LÂM THANH HẰNG          | 09/01/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.8  |
| 283 | APD0200153 | NGUYỄN THỊ HẰNG         | 23/06/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.3  |
| 284 | APD0200154 | PHẠM THỊ THU HẰNG       | 03/09/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 25.4  |
| 285 | APD0200156 | TRẦN THỊ THANH HẰNG     | 09/06/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.25 |
| 286 | APD0104080 | LÊ THỊ HẰNG             | 16/10/2004 | Ngành Kinh tế | HCP07 | 27.77 |
| 287 | APD0200148 | NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH    | 02/10/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.4  |
| 288 | APD0200149 | PHÙNG THỊ HẠNH          | 19/03/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.35 |
| 289 | APD0200150 | VŨ HỒNG HẠNH            | 14/07/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.2  |
| 290 | APD0100623 | PHẠM THỊ HẠNH           | 19/07/2004 | Ngành Kinh tế | HCP07 | 27.33 |
| 291 | APD0101739 | LÊ THỊ HỒNG HẠNH        | 09/12/2004 | Ngành Kinh tế | HCP08 | 27.55 |
| 292 | APD0124434 | KIỀU HỒNG HẠNH          | 15/01/2003 | Ngành Kinh tế | HCP08 | 28.05 |
| 293 | APD0200158 | TRẦN THỊ HIỀN           | 21/01/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.5  |
| 294 | APD0124103 | TUÔNG THỊ HIỀN          | 25/11/2004 | Ngành Kinh tế | HCP08 | 27.85 |
| 295 | APD0200160 | LỘC THU HIỀN            | 14/03/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 27.1  |
| 296 | APD0200161 | LƯƠNG THUY HIỀN         | 10/05/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 25.15 |
| 297 | APD0200162 | PHẠM TRUNG HIỆP         | 28/09/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 25.3  |
| 298 | APD0200163 | ĐẶNG THỊ HIỆU           | 29/09/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 25.55 |
| 299 | APD0200164 | NGUYỄN MINH HIỆU        | 03/01/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.25 |
| 300 | APD0119559 | BUI ĐÌNH HIỆU           | 13/12/2004 | Ngành Kinh tế | HCP08 | 28.9  |
| 301 | APD0200165 | LÊ THỊ HOA              | 03/11/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.65 |
| 302 | APD0200166 | THẦN THỊ HOA            | 17/08/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.9  |
| 303 | APD0200167 | TRẦN THỊ HOA            | 14/12/2003 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.3  |
| 304 | APD0122186 | LÊ ANH HOA              | 01/09/2004 | Ngành Kinh tế | HCP08 | 28.15 |
| 305 | APD0112484 | TRẦN THỊ HOA            | 30/01/2004 | Ngành Kinh tế | HCP08 | 27.55 |
| 306 | APD0200168 | HOÀNG ĐẶNG MỸ HÒA       | 30/03/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.7  |
| 307 | APD0200169 | NGUYỄN THỊ HẢI HÒA      | 15/10/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.8  |
| 308 | APD0200171 | NGUYỄN THỊ HOÀI         | 15/12/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.2  |
| 309 | APD0114698 | NÔNG THỊ THUY HỒNG      | 13/06/2004 | Ngành Kinh tế | HCP08 | 27.7  |
| 310 | APD0200172 | LƯƠNG VŨ HỒNG HUỆ       | 01/11/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.25 |
| 311 | APD0123065 | LƯƠNG THỊ HỒNG HUỆ      | 03/08/2004 | Ngành Kinh tế | HCP08 | 27.85 |
| 312 | APD0200173 | TRỊNH VIỆT HÙNG         | 06/09/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 27.55 |
| 313 | APD0200174 | VŨ SƠN HÙNG             | 18/09/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.35 |
| 314 | APD0200184 | LÊ THỊ HƯƠNG            | 09/10/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.45 |
| 315 | APD0200185 | LÊ THỊ THANH HƯƠNG      | 11/09/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.95 |
| 316 | APD0200186 | NGUYỄN QUỲNH HƯƠNG      | 05/01/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.8  |
| 317 | APD0200187 | NGUYỄN THỊ HƯƠNG        | 05/09/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 25.4  |
| 318 | APD0200188 | NGUYỄN THỊ LINH HƯƠNG   | 14/08/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.25 |
| 319 | APD0102295 | LÝ THỊ HƯƠNG            | 10/11/2004 | Ngành Kinh tế | HCP08 | 29.6  |
| 320 | APD0200189 | HÀ THỊ THU HƯỜNG        | 28/10/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.25 |
| 321 | APD0119966 | TRẦN THỊ HƯỜNG          | 03/02/2004 | Ngành Kinh tế | HCP01 | 26.25 |
| 322 | APD0100225 | NGUYỄN THỊ HƯỜNG        | 12/12/2004 | Ngành Kinh tế | HCP07 | 27.43 |
| 323 | APD0200175 | ĐINH QUANG HUY          | 05/07/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.3  |
| 324 | APD0200176 | LÊ ĐỨC HUY              | 30/05/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.35 |
| 325 | APD0200177 | ĐỖ KHÁNH HUYỀN          | 17/09/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.55 |
| 326 | APD0200178 | KHUÔNG THANH HUYỀN      | 16/07/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.7  |
| 327 | APD0200181 | NGUYỄN TRẦN KHÁNH HUYỀN | 19/07/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.2  |
| 328 | APD0200182 | PHẠM KHÁNH HUYỀN        | 20/10/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.6  |
| 329 | APD0200183 | TRƯƠNG THỊ HUYỀN        | 30/05/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.5  |
| 330 | APD0100464 | LÊ THỊ HUYỀN            | 25/05/2003 | Ngành Kinh tế | HCP07 | 27.04 |
| 331 | APD0124823 | VŨ THU HUYỀN            | 04/06/2003 | Ngành Kinh tế | HCP08 | 27.7  |
| 332 | APD0117023 | NGUYỄN MINH HUYỀN       | 22/09/2004 | Ngành Kinh tế | DGNL  | 19.25 |
| 333 | APD0100550 | NGUYỄN THỊ TÔ KHANH     | 23/02/2004 | Ngành Kinh tế | HCP08 | 27.55 |
| 334 | APD0200190 | NGUYỄN MINH KHÁNH       | 18/12/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.8  |
| 335 | APD0101486 | HOÀNG ĐƯƠNG VĂN KHÁNH   | 17/11/2004 | Ngành Kinh tế | HCP08 | 28.1  |
| 336 | APD0200191 | NGUYỄN THỊ KIỆM         | 29/08/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.3  |
| 337 | APD0200192 | NGUYỄN MINH KIẾN        | 22/05/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.25 |
| 338 | APD0200197 | HOÀNG THẾ KIẾT          | 03/04/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 25.6  |
| 339 | APD0200194 | LÊ THỊ NGỌC LAN         | 26/10/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.65 |
| 340 | APD0106716 | TÔ MAI LAN              | 21/09/2004 | Ngành Kinh tế | HCP08 | 27.55 |
| 341 | APD0106506 | HOÀNG VŨ NGỌC LAN       | 16/06/2004 | Ngành Kinh tế | HCP08 | 27.65 |
| 342 | APD0200195 | NGUYỄN THỊ YẾN LÀNH     | 22/12/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.25 |
| 343 | APD0105271 | NGUYỄN THỊ LÊ           | 06/04/2004 | Ngành Kinh tế | HCP08 | 27.6  |
| 344 | APD0200196 | KHUẤT THỊ MAI LIÊN      | 13/07/2003 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.35 |
| 345 | APD0200197 | CHU THỊ LINH            | 09/05/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.25 |
| 346 | APD0200198 | ĐÀO THỊ THUY LINH       | 08/07/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.7  |



|     |            |                         |            |               |       |       |
|-----|------------|-------------------------|------------|---------------|-------|-------|
| 347 | APD0200199 | ĐÀO THỊ TRÚC LINH       | 23/01/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.5  |
| 348 | APD0200200 | HỒ THỊ YẾN LINH         | 07/12/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.4  |
| 349 | APD0200201 | LƯƠNG ĐIỀU LINH         | 02/01/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.2  |
| 350 | APD0200202 | NGUYỄN BẢO LINH         | 22/08/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.4  |
| 351 | APD0200203 | NGUYỄN KHÁNH LINH       | 17/08/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.7  |
| 352 | APD0200204 | NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG LINH | 11/01/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.25 |
| 353 | APD0200205 | NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH   | 10/08/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.4  |
| 354 | APD0200206 | NGUYỄN THỊ THUY LINH    | 28/11/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.4  |
| 355 | APD0200207 | NGUYỄN THỊ THUY LINH    | 04/06/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.5  |
| 356 | APD0200208 | NGUYỄN THUY LINH        | 28/07/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.45 |
| 357 | APD0200209 | PHẠM THỊ THUY LINH      | 24/06/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 25.4  |
| 358 | APD0200210 | PHẠM THUY LINH          | 24/09/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.8  |
| 359 | APD0200211 | TA THUY LINH            | 27/04/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.5  |
| 360 | APD0200212 | TRẦN MỸ LINH            | 20/02/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.35 |
| 361 | APD0121433 | PHÙNG HÀ LINH           | 21/12/2004 | Ngành Kinh tế | HCP04 | 25.5  |
| 362 | APD0104596 | ĐỖ THỊ KHÁNH LINH       | 21/03/2004 | Ngành Kinh tế | HCP07 | 27.02 |
| 363 | APD0124472 | NGUYỄN THỊ THUY LINH    | 05/03/2003 | Ngành Kinh tế | HCP08 | 27.9  |
| 364 | APD0113622 | VŨ LÊ ĐIỀU LINH         | 23/02/2004 | Ngành Kinh tế | HCP08 | 27.5  |
| 365 | APD0101358 | LƯU TÙNG LINH           | 26/01/2004 | Ngành Kinh tế | HCP08 | 27.55 |
| 366 | APD0114270 | NGUYỄN KHÁNH LINH       | 09/11/2004 | Ngành Kinh tế | HCP08 | 24.25 |
| 367 | APD0200213 | NGUYỄN PHƯƠNG LOAN      | 11/05/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 25.2  |
| 368 | APD0200214 | NGUYỄN THỊ LOAN         | 04/04/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 25.2  |
| 369 | APD0200215 | NGUYỄN THỊ TƯỜNG LOAN   | 26/11/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.8  |
| 370 | APD0200217 | VŨ THANH LỘC            | 28/02/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.55 |
| 371 | APD0200216 | VŨ TIẾN LONG            | 23/09/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.9  |
| 372 | APD0200218 | HÀ THỊ HỒNG LUYA        | 25/06/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 25.25 |
| 373 | APD0200219 | BÊ HÀ LY                | 10/10/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.35 |
| 374 | APD0200220 | CAO KHÁNH LY            | 11/01/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 25.15 |
| 375 | APD0200221 | ĐỖ THỊ KHÁNH LY         | 19/02/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.4  |
| 376 | APD0200222 | ĐỖ THỊ VÂN LY           | 04/01/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.3  |
| 377 | APD0200224 | NGUYỄN NGỌC LY          | 11/08/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.25 |
| 378 | APD0200225 | PHÙNG THỊ LƯU LY        | 31/10/2003 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.4  |
| 379 | APD0200226 | VŨ THỊ XUÂN LY          | 02/06/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 25    |
| 380 | APD0100960 | TRỊNH ĐIỀU LY           | 14/03/2004 | Ngành Kinh tế | HCP07 | 27.18 |
| 381 | APD0200227 | NGUYỄN THỊ LY           | 19/09/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.35 |
| 382 | APD0200228 | NGUYỄN THỊ MAI LY       | 06/11/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 26.95 |
| 383 | APD0200229 | PHẠM THỊ LY             | 24/04/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.4  |
| 384 | APD0200230 | TRẦN PHƯƠNG MAI         | 05/07/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 25.5  |
| 385 | APD0200231 | TRẦN THỊ THANH MAI      | 02/02/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.4  |
| 386 | APD0200232 | NGUYỄN LÊ TRÂM MI       | 16/09/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.5  |
| 387 | APD0103226 | ĐẶNG TUẤN MINH          | 03/01/2004 | Ngành Kinh tế | HCP08 | 27.7  |
| 388 | APD0200233 | HOÀNG HÀ MY             | 24/10/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.2  |
| 389 | APD0200235 | LÊ THẢO MY              | 26/09/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.35 |
| 390 | APD0200236 | NGUYỄN HOÀNG TRÂM MY    | 20/12/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 25.1  |
| 391 | APD0200237 | NGUYỄN THỊ TRÂM MY      | 27/06/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.8  |
| 392 | APD0200238 | NGUYỄN TRÂM MY          | 29/12/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.25 |
| 393 | APD0122973 | ĐẶNG THỊ TRÂM MY        | 01/07/2004 | Ngành Kinh tế | HCP08 | 27.5  |
| 394 | APD0200239 | HÀ SƠN NAM              | 01/07/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.25 |
| 395 | APD0200240 | CHU THUY NGA            | 21/07/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.9  |
| 396 | APD0200241 | NGUYỄN THỊ THANH NGA    | 24/03/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.3  |
| 397 | APD0200242 | PHẠM THỊ NGUYỆT NGA     | 16/08/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 25.55 |
| 398 | APD0200244 | LÊ KIỀU NGÂN            | 13/11/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.2  |
| 399 | APD0200245 | NGUYỄN KIM NGÂN         | 07/11/2003 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 25.25 |
| 400 | APD0200246 | NGUYỄN THỊ NGÂN         | 18/03/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 25.45 |
| 401 | APD0200247 | NGUYỄN THỊ THUY NGÂN    | 05/10/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 25.2  |
| 402 | APD0100911 | PHẠM THỊ THUY NGÂN      | 10/10/2004 | Ngành Kinh tế | HCP07 | 27.94 |
| 403 | APD0200248 | ĐỖ MINH NGỌC            | 16/09/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 25.85 |
| 404 | APD0200249 | HOÀNG THỊ HUYỀN NGỌC    | 12/10/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.45 |
| 405 | APD0104596 | HOÀNG THỊ MINH NGỌC     | 28/07/2004 | Ngành Kinh tế | HCP08 | 28.3  |
| 406 | APD0100311 | PHẠM THỊ NGỌC           | 30/07/2004 | Ngành Kinh tế | HCP08 | 27.5  |
| 407 | APD0200251 | ĐÀO THỊ THANH NGUYỆT    | 23/12/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 25.65 |
| 408 | APD0200253 | LÊ THỊ XUÂN NHI         | 11/08/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 25.3  |
| 409 | APD0200254 | NGÔ LINH NHI            | 12/09/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 25.2  |
| 410 | APD0200255 | NGÔ UYÊN NHI            | 11/06/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.3  |
| 411 | APD0200256 | NGUYỄN LINH NHI         | 28/06/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.25 |
| 412 | APD0200257 | TRẦN THỊ QUỲNH NHI      | 15/06/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.2  |
| 413 | APD0103901 | NGUYỄN ĐỖ SONG NHI      | 31/05/2004 | Ngành Kinh tế | HCP01 | 26    |
| 414 | APD0112369 | NGUYỄN THỊ NHUNG        | 31/12/2003 | Ngành Kinh tế | HCP07 | 27.26 |
| 415 | APD0200260 | LÊ LÂM OANH             | 04/11/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 25.1  |
| 416 | APD0200261 | LÊ THỊ KIM OANH         | 19/11/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 25.8  |
| 417 | APD0200262 | NGUYỄN THỊ KIM OANH     | 07/10/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.2  |



|     |            |                        |            |               |       |       |
|-----|------------|------------------------|------------|---------------|-------|-------|
| 418 | APD0100744 | LƯƠNG KIỀU OANH        | 01/01/2003 | Ngành Kinh tế | HCP07 | 27.01 |
| 419 | APD0207003 | LÊ THỊ KIỀU OANH       | 14/03/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.9  |
| 420 | APD0200263 | LÊ ĐẮC TUẤN PHONG      | 08/08/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.4  |
| 421 | APD0200264 | NGUYỄN MAI PHƯƠNG      | 02/02/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.4  |
| 422 | APD0200265 | NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG | 22/12/2003 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.4  |
| 423 | APD0200266 | NGUYỄN THỊ NGỌC PHƯƠNG | 11/03/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.75 |
| 424 | APD0200267 | NGUYỄN THU PHƯƠNG      | 29/03/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.35 |
| 425 | APD0200268 | PHẠM MAI PHƯƠNG        | 12/04/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.4  |
| 426 | APD0200269 | HỒI THỊ PHƯƠNG         | 12/11/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 25.7  |
| 427 | APD0200270 | ĐẶNG BÁ MINH QUÂN      | 20/09/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.3  |
| 428 | APD0200271 | NGUYỄN VĂN QUÂN        | 24/09/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.45 |
| 429 | APD0200272 | NGUYỄN VĂN QUÂN        | 17/10/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 26.1  |
| 430 | APD0200273 | PHẠM DƯƠNG QUÂN        | 11/11/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.95 |
| 431 | APD0200274 | VŨ HỒNG QUÂN           | 26/03/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 25.1  |
| 432 | APD0110167 | NGUYỄN HUY MINH QUÂN   | 09/09/2004 | Ngành Kinh tế | DGNL  | 18.8  |
| 433 | APD0104607 | LÊ MINH QUANG          | 09/01/2004 | Ngành Kinh tế | HCP08 | 27.85 |
| 434 | APD0200275 | LỖ THỊ QUYỀN           | 30/05/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 25.95 |
| 435 | APD0200276 | TRẦN TỎ QUYỀN          | 26/10/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.25 |
| 436 | APD0106987 | VŨ TRỌNG QUYỀN         | 22/04/2004 | Ngành Kinh tế | HCP08 | 28.2  |
| 437 | APD0200277 | MẠO VĂN QUYNH          | 06/06/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.95 |
| 438 | APD0200279 | PHẠM THỊ THU QUYNH     | 29/11/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.3  |
| 439 | APD0117107 | NGUYỄN THỊ QUYNH       | 18/07/2003 | Ngành Kinh tế | HCP03 | 26    |
| 440 | APD0117030 | NGUYỄN TRÚC QUYNH      | 15/08/2004 | Ngành Kinh tế | HCP08 | 27.5  |
| 441 | APD0105911 | TRẦN THỊ ÁNH SAO       | 18/03/2003 | Ngành Kinh tế | HCP08 | 27.65 |
| 442 | APD0200280 | VŨ ANH SƠN             | 13/10/2003 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.3  |
| 443 | APD0105059 | NGUYỄN TIẾN TÀI        | 12/02/2004 | Ngành Kinh tế | HCP07 | 27.94 |
| 444 | APD0200281 | ĐOÀN THỊ TÂM           | 17/02/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 25    |
| 445 | APD0200282 | NGUYỄN THỊ THANH TÂM   | 09/03/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.45 |
| 446 | APD0200283 | NGUYỄN THANH TÂM       | 05/09/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.6  |
| 447 | APD0200284 | PHẠM THỊ MỸ TÂM        | 01/11/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.25 |
| 448 | APD0200285 | PHẠM THỊ TÂM           | 27/08/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.2  |
| 449 | APD0200286 | NGUYỄN HỮU THÁI        | 24/01/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.25 |
| 450 | APD0200287 | LƯƠNG THỊ THANH        | 21/03/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.75 |
| 451 | APD0200288 | ĐẶNG ĐÌNH THÀNH        | 11/06/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.55 |
| 452 | APD0200291 | HOÀNG THANH THẢO       | 06/07/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.85 |
| 453 | APD0200292 | NGUYỄN PHƯƠNG THẢO     | 08/12/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.25 |
| 454 | APD0200293 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO | 21/12/2003 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.45 |
| 455 | APD0200294 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO | 25/01/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.55 |
| 456 | APD0200295 | NGUYỄN THỊ THẢO        | 19/10/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.75 |
| 457 | APD0200296 | NGUYỄN THỊ THẢO        | 30/08/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.75 |
| 458 | APD0200297 | NGUYỄN THANH THẢO      | 24/09/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.3  |
| 459 | APD0200298 | PHẠM LÊ THỊ HIỆU THẢO  | 18/04/2003 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.45 |
| 460 | APD0200299 | TRẦN PHƯƠNG THẢO       | 10/08/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 25.25 |
| 461 | APD0200300 | TRẦN THỊ THẢO          | 26/08/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.2  |
| 462 | APD0200301 | TRƯƠNG HIỆU THẢO       | 12/04/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.45 |
| 463 | APD0200302 | BÙI VIỆT THỊ           | 03/06/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.4  |
| 464 | APD0200303 | TRẦN BẢO THIÊN         | 28/09/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.35 |
| 465 | APD0200304 | THÁI ANH THO           | 30/10/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.55 |
| 466 | APD0200316 | NGUYỄN ANH THƯ         | 23/09/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 25.25 |
| 467 | APD0200317 | TRẦN VĂN THƯ           | 05/10/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.3  |
| 468 | APD0115362 | PHẠM THỊ MINH THƯ      | 21/08/2004 | Ngành Kinh tế | HCP01 | 27    |
| 469 | APD0200318 | NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG | 19/08/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.45 |
| 470 | APD0200319 | TRỊNH THỊ MINH THƯƠNG  | 08/06/2003 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.4  |
| 471 | APD0102761 | CẦN THƯƠNG             | 14/06/1984 | Ngành Kinh tế | HCP04 | 26.1  |
| 472 | APD0104094 | TRẦN KHÁNH THƯƠNG      | 22/10/2004 | Ngành Kinh tế | HCP08 | 27.9  |
| 473 | APD0200311 | HỒ THANH THUY          | 18/05/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.65 |
| 474 | APD0200312 | NGUYỄN THỊ THUY        | 05/08/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.45 |
| 475 | APD0200313 | PHẠM THANH THUY        | 08/02/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.65 |
| 476 | APD0200314 | TRẦN THỊ HỒNG THUY     | 30/11/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.85 |
| 477 | APD0106232 | CAO THỊ THANH THUY     | 10/09/2004 | Ngành Kinh tế | HCP08 | 27.85 |
| 478 | APD0200305 | NGUYỄN THỊ THUY        | 02/10/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 25.2  |
| 479 | APD0200306 | TÀ THỊ THUY            | 26/02/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.6  |
| 480 | APD0200307 | LÊ THỊ THUY            | 27/08/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.25 |
| 481 | APD0200308 | LÊ THU THUY            | 11/11/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.25 |
| 482 | APD0200309 | PHẠM THỊ THUY          | 19/04/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.25 |
| 483 | APD0200310 | TRẦN THỊ THUY          | 25/08/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 25.3  |
| 484 | APD0200315 | NGUYỄN THỊ THUYỀN      | 17/01/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 25.25 |
| 485 | APD0200320 | LÊ THỊ HƯƠNG TRÀ       | 11/08/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 25.05 |
| 486 | APD0200321 | BÙI THỊ THU TRANG      | 13/11/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 25.1  |
| 487 | APD0200322 | ĐỖ THỊ KIỀU TRANG      | 26/05/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.25 |
| 488 | APD0200323 | HÀ KIỀU TRANG          | 28/08/2004 | Ngành Kinh tế | HCP09 | 24.3  |



|     |            |                         |            |                          |       |       |
|-----|------------|-------------------------|------------|--------------------------|-------|-------|
| 489 | APD0200324 | HOÀNG THỊ HUYỀN TRANG   | 15/10/2004 | Ngành Kinh tế            | HCP09 | 25.15 |
| 490 | APD0200325 | NGUYỄN THỊ KIM TRANG    | 12/03/2004 | Ngành Kinh tế            | HCP09 | 24.25 |
| 491 | APD0200326 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRANG | 13/08/2004 | Ngành Kinh tế            | HCP09 | 24.3  |
| 492 | APD0200327 | NGUYỄN THỊ THỦY TRANG   | 29/11/2004 | Ngành Kinh tế            | HCP09 | 25.15 |
| 493 | APD0200328 | PHẠM THỊ HÀ TRANG       | 01/01/2004 | Ngành Kinh tế            | HCP09 | 24.6  |
| 494 | APD0200329 | PHẠM KIỀU TRANG         | 25/01/2004 | Ngành Kinh tế            | HCP09 | 24.25 |
| 495 | APD0200330 | TRẦN THỊ THỦY TRANG     | 02/08/2004 | Ngành Kinh tế            | HCP09 | 24.2  |
| 496 | APD0200331 | VŨ THỊ HUYỀN TRANG      | 09/09/2004 | Ngành Kinh tế            | HCP09 | 24.35 |
| 497 | APD0200332 | VŨ THỊ THỦY TRANG       | 02/10/2004 | Ngành Kinh tế            | HCP09 | 24.95 |
| 498 | APD0105997 | LÊ THỦY TRANG           | 04/02/2004 | Ngành Kinh tế            | HCP07 | 27.56 |
| 499 | APD0200333 | PHÍ THỊ XUÂN TRINH      | 05/01/2004 | Ngành Kinh tế            | HCP09 | 24.75 |
| 500 | APD0200334 | TRẦN THỊ HUYỀN TRINH    | 08/09/2004 | Ngành Kinh tế            | HCP09 | 24.5  |
| 501 | APD0200335 | ĐỖ VĂN TRUNG            | 20/08/2004 | Ngành Kinh tế            | HCP09 | 24.2  |
| 502 | APD0200336 | NGUYỄN VĂN TRUNG        | 20/07/2004 | Ngành Kinh tế            | HCP09 | 24.6  |
| 503 | APD0200337 | CAO THỊ CẨM TÚ          | 26/08/2004 | Ngành Kinh tế            | HCP09 | 24.45 |
| 504 | APD0200338 | LÊ CẨM TÚ               | 24/12/2003 | Ngành Kinh tế            | HCP09 | 24.45 |
| 505 | APD0200339 | NGUYỄN HỒNG TÚ          | 18/03/2004 | Ngành Kinh tế            | HCP09 | 24.35 |
| 506 | APD0100950 | VŨ ĐĂNG ANH TÚ          | 10/10/2004 | Ngành Kinh tế            | HCP08 | 27.55 |
| 507 | APD0200340 | HOÀNG MINH TUẤN         | 27/12/2004 | Ngành Kinh tế            | HCP09 | 24.2  |
| 508 | APD0108203 | NGUYỄN DANH HOÀNG TÙNG  | 19/10/2004 | Ngành Kinh tế            | HCP08 | 27.55 |
| 509 | APD0110037 | NGUYỄN THANH TÙNG       | 25/07/2004 | Ngành Kinh tế            | HCP08 | 27.6  |
| 510 | APD0102406 | NÔNG NGUYỄN GIA TÙNG    | 01/08/2004 | Ngành Kinh tế            | HCP08 | 28.05 |
| 511 | APD0200341 | CHU THỊ TƯƠI            | 28/06/2004 | Ngành Kinh tế            | HCP09 | 24.4  |
| 512 | APD0200342 | NGUYỄN LÊ HỒNG TƯƠI     | 01/03/2004 | Ngành Kinh tế            | HCP09 | 24.9  |
| 513 | APD0200343 | NGUYỄN HOÀNG TÚ UYÊN    | 05/09/2004 | Ngành Kinh tế            | HCP09 | 24.55 |
| 514 | APD0200345 | NGUYỄN THỊ THU UYÊN     | 05/10/2004 | Ngành Kinh tế            | HCP09 | 24.45 |
| 515 | APD0200346 | NGUYỄN THU UYÊN         | 29/08/2003 | Ngành Kinh tế            | HCP09 | 25.4  |
| 516 | APD0200347 | ĐỖ THẢO VĂN             | 26/03/2004 | Ngành Kinh tế            | HCP09 | 25    |
| 517 | APD0200348 | LÊ THỊ THANH VĂN        | 05/06/2004 | Ngành Kinh tế            | HCP09 | 24.4  |
| 518 | APD0102296 | NGUYỄN TƯỜNG VI         | 09/03/2004 | Ngành Kinh tế            | HCP07 | 27    |
| 519 | APD0200349 | BUI ĐỨC VIỆT            | 26/05/2004 | Ngành Kinh tế            | HCP09 | 24.95 |
| 520 | APD0200350 | LÊ HỮU VIỆT             | 05/02/2004 | Ngành Kinh tế            | HCP09 | 24.75 |
| 521 | APD0200351 | LƯU TUẤN VIỆT           | 14/01/2004 | Ngành Kinh tế            | HCP09 | 24.65 |
| 522 | APD0200352 | NGUYỄN TRỌNG VINH       | 04/01/2004 | Ngành Kinh tế            | HCP09 | 24.6  |
| 523 | APD0200353 | LÊ HÀ VY                | 03/08/2004 | Ngành Kinh tế            | HCP09 | 24.55 |
| 524 | APD0200354 | TRẦN ĐÌNH DIỆU VY       | 21/09/2004 | Ngành Kinh tế            | HCP09 | 24.35 |
| 525 | APD0200355 | KHÔNG THỊ ÁI XUÂN       | 25/09/2004 | Ngành Kinh tế            | HCP09 | 24.35 |
| 526 | APD0200356 | PHẠM THỊ THANH XUÂN     | 31/12/2004 | Ngành Kinh tế            | HCP09 | 25.25 |
| 527 | APD0200358 | LƯU HẢI YẾN             | 07/05/2004 | Ngành Kinh tế            | HCP09 | 24.25 |
| 528 | APD0200359 | NGUYỄN THỊ HẢI YẾN      | 10/02/2004 | Ngành Kinh tế            | HCP09 | 24.9  |
|     |            | Ngành Kinh tế           |            |                          | 319   |       |
| 529 | APD0200360 | ĐÀO PHƯƠNG ANH          | 13/11/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 25.3  |
| 530 | APD0200361 | NGUYỄN MAI ANH          | 21/02/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 25.2  |
| 531 | APD0200362 | NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH    | 18/10/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 25.35 |
| 532 | APD0200363 | TRẦN THỊ NGỌC ANH       | 04/07/2003 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 25.3  |
| 533 | APD0200364 | TRẦN THỊ VĂN ANH        | 09/08/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 25.5  |
| 534 | APD0200365 | TRƯƠNG QUANG ANH        | 10/04/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 24.55 |
| 535 | APD0200366 | VŨ THỊ VĂN ANH          | 21/01/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 24.45 |
| 536 | APD0124557 | TRẦN THỊ LAN ANH        | 19/05/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP08 | 27.8  |
| 537 | APD0105803 | VŨ THỊ NGỌC ANH         | 03/09/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP04 | 26.75 |
| 538 | APD0110604 | LÊ HUỖNH ANH            | 02/03/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP07 | 26.84 |
| 539 | APD0111821 | NGUYỄN MINH ANH         | 08/10/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP08 | 27.7  |
| 540 | APD0200369 | ĐỖ KIM CHI              | 14/08/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 24.55 |
| 541 | APD0200370 | NGUYỄN QUỲNH CHI        | 15/07/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 24.75 |
| 542 | APD0100525 | NGUYỄN XUÂN ĐẠO         | 19/11/2003 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP03 | 28.5  |
| 543 | APD0200372 | KIM TIẾN ĐẠT            | 20/09/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 24.5  |
| 544 | APD0200373 | NGUYỄN TRUNG ĐỨC        | 17/05/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 24.85 |
| 545 | APD0200371 | CHU THỊ DUNG            | 28/01/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 24.45 |
| 546 | APD0200374 | NGUYỄN TRẦN THU HÀ      | 11/12/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 24.7  |
| 547 | APD0122726 | PHẠM THU HÀ             | 09/10/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP07 | 26.82 |
| 548 | APD0200375 | NGUYỄN THỦY HẰNG        | 16/01/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 24.6  |
| 549 | APD0102301 | NGUYỄN THỊ MINH HẰNG    | 10/08/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP07 | 26.89 |
| 550 | APD0200377 | PHÙNG MINH HIẾU         | 04/09/2003 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 24.8  |
| 551 | APD0200378 | TRẦN ĐỨC HIẾU           | 20/03/2003 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 24.55 |
| 552 | APD0110799 | CHU QUANG HIẾU          | 18/09/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP08 | 28.55 |
| 553 | APD0200380 | VŨ THỊ HOÀI             | 10/07/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 24.6  |
| 554 | APD0200381 | LÊ TRỌNG HOÀNG          | 10/10/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 25.4  |
| 555 | APD0200382 | NGUYỄN THỊ HUỆ          | 23/05/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 24.55 |
| 556 | APD0200383 | PHẠM THỊ THU HUỆ        | 23/02/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 25.65 |
| 557 | APD0200384 | MAI THỊ THU HUYỀN       | 27/11/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 24.5  |
| 558 | APD0200386 | PHẠM HOÀNG TUẤN KIẾT    | 15/09/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 25.1  |



|     |            |                          |            |                          |       |       |
|-----|------------|--------------------------|------------|--------------------------|-------|-------|
| 559 | APD0102786 | HOÀNG THỊ KIM LIÊN       | 06/06/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP07 | 27.15 |
| 560 | APD0200388 | ĐỖ NGUYỄN THUY LINH      | 29/11/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 24.75 |
| 561 | APD0200389 | LÊ THUY LINH             | 24/10/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 26    |
| 562 | APD0200390 | MAI THỊ KHÁNH LINH       | 02/11/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 24.75 |
| 563 | APD0200391 | NGUYỄN THỊ LINH          | 10/10/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 25.45 |
| 564 | APD0200392 | TRẦN THỊ LINH            | 23/09/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 25.85 |
| 565 | APD0104905 | ĐẶNG TRÚC LINH           | 09/03/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP07 | 27.33 |
| 566 | APD0100874 | NGUYỄN DIỆU LINH         | 20/06/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP08 | 27.75 |
| 567 | APD0121403 | NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH    | 10/12/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP08 | 27.65 |
| 568 | APD0111799 | VI DIỆU LINH             | 24/07/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP08 | 27.8  |
| 569 | APD0200393 | NGUYỄN THỊ LOAN          | 13/03/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 24.45 |
| 570 | APD0200394 | NGUYỄN THỊ LUYẾN         | 04/05/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 24.8  |
| 571 | APD0200396 | TẠ KHÁNH LY              | 15/09/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 24.6  |
| 572 | APD0200397 | VŨ THỊ HOA LY            | 13/04/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 24.55 |
| 573 | APD0200398 | VŨ THỊ LY                | 24/01/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 25.25 |
| 574 | APD0200399 | LÊ THỊ HỒNG MAI          | 11/12/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 24.45 |
| 575 | APD0200400 | NGUYỄN NGỌC MAI          | 16/09/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 24.65 |
| 576 | APD0102339 | NGÔ THỊ NGỌC MAI         | 30/09/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP07 | 27.18 |
| 577 | APD0200401 | ĐỖ THỊ MÂY               | 27/08/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 24.6  |
| 578 | APD0200402 | PHẠM LÊ KHÁNH MINH       | 09/03/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 25.2  |
| 579 | APD0200403 | LƯƠNG CHÀ MY             | 16/07/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 25.1  |
| 580 | APD0200404 | NGUYỄN THỊ THANH NGÂN    | 13/09/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 24.65 |
| 581 | APD0200405 | PHẠM THU NGÂN            | 18/12/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 24.5  |
| 582 | APD0200406 | LÊ THỊ BÍCH NGỌC         | 04/01/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 24.65 |
| 583 | APD0200407 | LÊ THỊ HỒNG NGỌC         | 24/02/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 24.9  |
| 584 | APD0200408 | NGUYỄN Y HUYNH NHI       | 02/07/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 24.9  |
| 585 | APD0200409 | LÊ THỊ NHUNG             | 07/01/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 24.45 |
| 586 | APD0120114 | ĐINH THỊ HỒNG NHUNG      | 06/01/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP07 | 27.01 |
| 587 | APD0200412 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG        | 07/10/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 24.8  |
| 588 | APD0200413 | NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG    | 16/01/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 24.7  |
| 589 | APD0102429 | TRẦN MINH QUÂN           | 30/08/2002 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP08 | 27.55 |
| 590 | APD0118969 | ĐỖ BẢO QUYÊN             | 20/08/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP07 | 26.62 |
| 591 | APD0124780 | HOÀNG SƠN                | 10/06/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP08 | 27.6  |
| 592 | APD0200414 | NGUYỄN THỊ QUỲNH TÂM     | 08/03/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 24.5  |
| 593 | APD0110016 | QUANG THỊ TÂM            | 03/12/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP08 | 27.7  |
| 594 | APD0102255 | ĐÀO THỊ HỒNG THẨM        | 09/05/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP07 | 26.7  |
| 595 | APD0117946 | NGUYỄN TIẾN THẮNG        | 31/08/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP08 | 27.85 |
| 596 | APD0122313 | NGUYỄN ĐĂNG THẮNG        | 14/04/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP07 | 26.63 |
| 597 | APD0200415 | LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO       | 05/10/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 24.65 |
| 598 | APD0200416 | NGUYỄN PHƯƠNG THẢO       | 23/10/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 25.25 |
| 599 | APD0200417 | PHẠM THỊ THẢO            | 07/12/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 24.95 |
| 600 | APD0200418 | HOÀNG THỊ THU            | 05/10/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 24.5  |
| 601 | APD0200419 | HOÀNG THỊ THUY           | 05/02/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 25    |
| 602 | APD0200420 | NGUYỄN THỊ THU THUY      | 01/12/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 24.75 |
| 603 | APD0200422 | TRỊNH XUÂN TOÀN          | 26/12/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 25.3  |
| 604 | APD0112742 | TRƯƠNG THỊ TRẢ           | 23/05/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP08 | 27.75 |
| 605 | APD0200423 | NGUYỄN THU TRANG         | 06/07/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 24.55 |
| 606 | APD0200424 | TRẦN THUY TRANG          | 04/10/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 25    |
| 607 | APD0100327 | PHẠM THỊ TRANG           | 19/10/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP07 | 26.94 |
| 608 | APD0116449 | ĐÀO THỊ HUYNH TRANG      | 15/04/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP07 | 26.94 |
| 609 | APD0116369 | NGUYỄN VĂN QUÝ TÙNG      | 25/01/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP07 | 27.15 |
| 610 | APD0117811 | LÊ MANH TÙNG             | 07/06/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP08 | 27.7  |
| 611 | APD0200425 | NGUYỄN THỊ TUYỀN         | 03/09/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 25.05 |
| 612 | APD0200426 | PHẠM THANH TUYỀN         | 24/12/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 25.3  |
| 613 | APD0200427 | HOÀNG THANH VÂN          | 02/01/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 24.55 |
| 614 | APD0200428 | NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN      | 13/03/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 25.6  |
| 615 | APD0117820 | BUI THỊ VÂN              | 03/05/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP08 | 27.9  |
| 616 | APD0200429 | ĐÀO ĐÔNG QUANG VINH      | 21/05/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 24.45 |
| 617 | APD0200430 | TRẦN BẢO XUYỀN           | 18/12/2004 | Ngành Kinh tế phát triển | HCP09 | 24.45 |
|     |            | Ngành Kinh tế phát triển |            | 89                       |       |       |
| 618 | APD0200431 | BÊ THỊ MAI ANH           | 18/09/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế    | HCP09 | 25.5  |
| 619 | APD0200432 | CHU MINH ANH             | 07/05/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế    | HCP09 | 24.8  |
| 620 | APD0200433 | ĐỖ NGỌC ANH              | 11/01/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế    | HCP09 | 24.85 |
| 621 | APD0200434 | LÊ NGỌC LAN ANH          | 04/11/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế    | HCP09 | 24.75 |
| 622 | APD0200436 | NGUYỄN ĐÌNH VIỆT ANH     | 02/03/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế    | HCP09 | 24.95 |
| 623 | APD0200437 | NGUYỄN NGỌC CHÁU ANH     | 01/06/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế    | HCP09 | 25.1  |
| 624 | APD0200438 | NGUYỄN NGỌC THẢO ANH     | 07/01/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế    | HCP09 | 25.15 |
| 625 | APD0200439 | NGUYỄN PHƯƠNG ANH        | 03/02/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế    | HCP09 | 24.7  |
| 626 | APD0200440 | NGUYỄN THỊ MAI ANH       | 18/02/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế    | HCP09 | 24.8  |
| 627 | APD0200441 | NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH     | 22/01/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế    | HCP09 | 24.7  |
| 628 | APD0200442 | NGUYỄN THỊ VÂN ANH       | 11/07/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế    | HCP09 | 25.55 |



|     |            |                        |            |                       |        |       |
|-----|------------|------------------------|------------|-----------------------|--------|-------|
| 629 | APD0200443 | TRẦN THỊ KIM ANH       | 26/09/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09  | 25.35 |
| 630 | APD0200444 | VŨ THỊ KIM ANH         | 01/05/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09  | 25.4  |
| 631 | APD0111831 | LƯƠNG THỊ MAI ANH      | 14/08/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08  | 28.25 |
| 632 | APD0111703 | NGUYỄN HỮU HÀ ANH      | 31/12/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08  | 28.05 |
| 633 | APD0125284 | NGUYỄN THỊ LAN ANH     | 20/11/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08  | 28.55 |
| 634 | APD0116453 | NGUYỄN THỊ VĂN ANH     | 18/09/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08  | 28.05 |
| 635 | APD0100108 | LÊ NGUYỄN NGỌC ANH     | 18/07/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08  | 28.2  |
| 636 | APD0121406 | VŨ NGUYỄN ĐỨC ANH      | 02/09/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08  | 28.1  |
| 637 | APD0200445 | LƯƠNG NGỌC ANH         | 06/09/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09  | 24.8  |
| 638 | APD0200446 | NGUYỄN THỊ ANH         | 09/05/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09  | 25.3  |
| 639 | APD0113799 | TRỊNH THỊ ANH          | 27/10/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08  | 28.05 |
| 640 | APD0107406 | PHAN NGỌC ANH          | 04/07/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | DGNL   | 18.5  |
| 641 | APD0100676 | BUI THỊ ANH            | 28/10/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08  | 28.75 |
| 642 | APD0200447 | NGUYỄN XUÂN BÁCH       | 08/01/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09  | 24.85 |
| 643 | APD0200448 | ĐOÀN TRỌNG BẢNG        | 28/06/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09  | 24.7  |
| 644 | APD0200449 | PHẠM THỊ THÁI BÌNH     | 12/11/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09  | 24.85 |
| 645 | APD0200450 | NGUYỄN NGỌC CHÂM       | 31/08/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09  | 24.9  |
| 646 | APD0200451 | NGUYỄN NGỌC LINH CHI   | 21/11/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09  | 24.7  |
| 647 | APD0120068 | ĐOÀN THỊ YẾN CHI       | 01/09/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08  | 29.4  |
| 648 | APD0124098 | NGUYỄN MANH CƯỜNG      | 12/12/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | FICF08 | 28.05 |
| 649 | APD0101759 | DƯƠNG LINH ĐAN         | 30/08/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP01  | 27.75 |
| 650 | APD0200452 | LÊ THỊ DIỆU            | 13/09/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09  | 25.6  |
| 651 | APD0200454 | VŨ THỊ HUỖN DIỆU       | 25/04/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09  | 25    |
| 652 | APD0200461 | HOÀNG THỊ ĐỊNH         | 19/10/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09  | 25.1  |
| 653 | APD0200455 | PHẠM THỊ HIỀN DIU      | 22/09/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09  | 25.55 |
| 654 | APD0200456 | VŨ NGỌC DIU            | 04/07/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09  | 25.7  |
| 655 | APD0109287 | NGUYỄN THỊ THỦY DUNG   | 01/03/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08  | 28.7  |
| 656 | APD0200457 | THÁI TIẾN DUNG         | 07/07/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09  | 25.5  |
| 657 | APD0102806 | NGUYỄN HỮU VIỆT DUNG   | 15/10/2003 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08  | 28.25 |
| 658 | APD0200458 | NGUYỄN THỊ THỦY DƯƠNG  | 27/04/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09  | 25.2  |
| 659 | APD0200459 | TRẦN TRÚC DƯƠNG        | 11/11/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09  | 25.05 |
| 660 | APD0200460 | TRẦN TÙNG DƯƠNG        | 23/08/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09  | 25.5  |
| 661 | APD0112692 | ĐẶNG KHÁNH DUY         | 01/01/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP03  | 28.5  |
| 662 | APD0200462 | ĐỖ THU GIANG           | 04/12/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09  | 25.2  |
| 663 | APD0200463 | HÀ THỊ GIANG           | 03/11/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09  | 25.85 |
| 664 | APD0200464 | NGUYỄN HƯƠNG GIANG     | 25/09/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09  | 25.2  |
| 665 | APD0200465 | NGUYỄN THỊ HÀ GIANG    | 18/06/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09  | 25.65 |
| 666 | APD0200466 | NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG | 08/01/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09  | 25.6  |
| 667 | APD0200467 | TRẦN PHAM HƯƠNG GIANG  | 22/05/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09  | 24.9  |
| 668 | APD0200468 | VI HƯƠNG GIANG         | 28/07/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09  | 25.15 |
| 669 | APD0123054 | NGUYỄN QUỲNH GIAO      | 25/11/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08  | 28.9  |
| 670 | APD0200470 | ĐẶNG HẢI HÀ            | 16/11/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09  | 25    |
| 671 | APD0200471 | GIANG THU HÀ           | 09/08/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09  | 25.2  |
| 672 | APD0200472 | HÀ THỊ THU HÀ          | 05/11/2003 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09  | 24.9  |
| 673 | APD0200473 | PHẠM THỊ NGỌC HÀ       | 25/07/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09  | 25.45 |
| 674 | APD0200474 | TRẦN THỊ KHÁNH HÀ      | 11/12/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09  | 25.15 |
| 675 | APD0114602 | NGUYỄN THỊ THU HÀ      | 26/08/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08  | 28.5  |
| 676 | APD0200475 | LÂM THU HẢI            | 25/07/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09  | 25.4  |
| 677 | APD0200476 | NGUYỄN THỊ HẰNG        | 03/11/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09  | 25.05 |
| 678 | APD0200477 | NGUYỄN THỦY HẰNG       | 06/10/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09  | 25.95 |
| 679 | APD0200478 | PHẠM THU HẰNG          | 26/05/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09  | 24.75 |
| 680 | APD0116397 | HOÀNG THU HẰNG         | 05/11/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP07  | 29.1  |
| 681 | APD0124130 | VƯƠNG THU HẰNG         | 09/10/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08  | 28.75 |
| 682 | APD0120904 | VŨ THANH HẰNG          | 22/02/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08  | 29.25 |
| 683 | APD0111915 | TRẦN THỊ HẠNH          | 13/03/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08  | 29.25 |
| 684 | APD0112343 | NGÔ THỊ HẬU            | 26/01/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08  | 28.1  |
| 685 | APD0200479 | NGUYỄN THỊ HIỀN        | 17/05/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09  | 25.2  |
| 686 | APD0200480 | NGUYỄN THỊ HIỀN        | 19/12/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09  | 25.2  |
| 687 | APD0200481 | NGUYỄN THỊ THU HIỀN    | 09/04/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09  | 25.55 |
| 688 | APD0200482 | NGUYỄN THỊ THU HIỀN    | 01/08/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09  | 25    |
| 689 | APD0200483 | TRẦN THỊ THU HIỀN      | 03/02/2002 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09  | 25.4  |
| 690 | APD0200484 | HOÀNG TRUNG HIẾU       | 24/07/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09  | 25.2  |
| 691 | APD0200485 | LƯU TRUNG HIẾU         | 14/06/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09  | 25.05 |
| 692 | APD0111750 | LÊ MINH HIẾU           | 24/08/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08  | 29.45 |
| 693 | APD0200486 | BUI PHƯƠNG HOA         | 15/11/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09  | 25.6  |
| 694 | APD0200488 | TRẦN THỊ HOA           | 19/01/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09  | 25.55 |
| 695 | APD0200489 | NGUYỄN HỮU HOÀ         | 30/01/2003 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09  | 24.85 |
| 696 | APD0200490 | TRƯƠNG THỊ MỸ HOÀ      | 18/11/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09  | 25.35 |
| 697 | APD0109291 | NGUYỄN DUY HOAN        | 01/09/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08  | 28.05 |
| 698 | APD0200491 | LÊ HUY HOÀNG           | 15/07/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09  | 25.25 |
| 699 | APD0200492 | BUI VĂN HOÀNH          | 07/04/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09  | 25.4  |



|     |            |                       |            |                       |       |       |
|-----|------------|-----------------------|------------|-----------------------|-------|-------|
| 700 | APD0200493 | PHÙNG THỊ THANH HỒNG  | 17/05/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 24.75 |
| 701 | APD0200494 | TRẦN THỊ HỒNG         | 01/02/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.15 |
| 702 | APD0200495 | VƯƠNG XUÂN THỊ HỒNG   | 15/02/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.15 |
| 703 | APD0101781 | HOÀNG PHƯƠNG HỒNG     | 09/06/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08 | 28.6  |
| 704 | APD0111724 | LÊ THỊ HỒNG           | 05/09/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08 | 28.45 |
| 705 | APD0200496 | NGUYỄN THỊ KIM HUỆ    | 09/07/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.2  |
| 706 | APD0105464 | SÊ THỊ HUỆ            | 07/09/2003 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08 | 28.7  |
| 707 | APD0100339 | VŨ THANH HUỆ          | 14/11/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08 | 28.55 |
| 708 | APD0108131 | NGUYỄN ĐỨC HÙNG       | 19/12/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | DGNL  | 18.85 |
| 709 | APD0200508 | NHÂM QUỐC HÙNG        | 27/03/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 24.75 |
| 710 | APD0108345 | NGUYỄN PHÚC HÙNG      | 18/04/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | DGNL  | 19.25 |
| 711 | APD0200509 | NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG  | 22/11/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 24.95 |
| 712 | APD0200510 | PHẠM THUY HƯƠNG       | 15/09/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 24.9  |
| 713 | APD0200511 | VIÊN NGỌC HƯƠNG       | 01/04/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.25 |
| 714 | APD0107646 | PHẠM MAI HƯƠNG        | 01/11/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08 | 28.3  |
| 715 | APD0102474 | ĐỖ THỊ LAN HƯƠNG      | 26/01/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08 | 28.7  |
| 716 | APD0200512 | LÊ THỊ HƯƠNG          | 26/01/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 24.8  |
| 717 | APD0200497 | NGUYỄN QUANG HUY      | 23/09/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.45 |
| 718 | APD0125178 | NGUYỄN TRẦN NGỌC HUY  | 25/07/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP07 | 28.02 |
| 719 | APD0200498 | NGUYỄN NGỌC HUỲN      | 31/07/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.45 |
| 720 | APD0200499 | BÙI THU HUỲN          | 15/09/2003 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.45 |
| 721 | APD0200500 | DƯƠNG KHÁNH HUỲN      | 23/04/2003 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 24.85 |
| 722 | APD0200501 | ĐỖ THỊ HUỲN           | 19/08/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 24.75 |
| 723 | APD0200502 | ĐINH THỊ MỸ HUỲN      | 17/01/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25    |
| 724 | APD0200503 | NGUYỄN NGỌC HUỲN      | 10/11/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 24.7  |
| 725 | APD0200504 | NGUYỄN THỊ THANH HUỲN | 14/02/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.65 |
| 726 | APD0200505 | NGUYỄN THU HUỲN       | 28/11/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.25 |
| 727 | APD0200506 | TRẦN THỊ THANH HUỲN   | 03/09/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 24.85 |
| 728 | APD0200507 | TRƯƠNG NGỌC HUỲN      | 13/01/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.5  |
| 729 | APD0110732 | NGUYỄN THU HUỲN       | 28/08/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08 | 28.45 |
| 730 | APD0200513 | NGUYỄN NAM KHÁNH      | 04/07/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 27.4  |
| 731 | APD0200514 | NGUYỄN THỊ VĂN KHÁNH  | 05/02/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 24.75 |
| 732 | APD0200515 | PHAN THỊ MINH KHUỆ    | 03/01/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.35 |
| 733 | APD0200516 | VŨ TRUNG KIẾN         | 03/04/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 24.75 |
| 734 | APD0118722 | PHẠM KAO KIẾN         | 21/07/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08 | 28.15 |
| 735 | APD0200517 | DƯƠNG THANH LAN       | 15/11/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.05 |
| 736 | APD0200518 | LÊ THỊ NGỌC LAN       | 11/03/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 24.7  |
| 737 | APD0200519 | NGUYỄN THỊ LAN        | 04/12/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 24.85 |
| 738 | APD0200520 | TẶNG HƯƠNG LAN        | 05/09/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 24.75 |
| 739 | APD0200521 | VŨ NGỌC LAN           | 30/11/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.5  |
| 740 | APD0104502 | TRẦN THỊ LAN          | 12/09/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP07 | 27.55 |
| 741 | APD0200522 | ĐINH THỊ HỒNG LÊ      | 28/02/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.35 |
| 742 | APD0200523 | ÔNG THỊ LÊ            | 12/02/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.05 |
| 743 | APD0200524 | NGUYỄN THỊ BÍCH LIÊN  | 22/07/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 24.85 |
| 744 | APD0200527 | NGUYỄN PHƯƠNG LINH    | 24/09/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 24.95 |
| 745 | APD0200528 | NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH | 20/04/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.5  |
| 746 | APD0200529 | NGUYỄN THỊ VĂN LINH   | 01/01/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 24.8  |
| 747 | APD0200530 | NGUYỄN THÙY LINH      | 26/09/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 24.95 |
| 748 | APD0200532 | PHẠM THỊ DIỆP LINH    | 08/10/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.35 |
| 749 | APD0200533 | VŨ THỊ DIỆU LINH      | 29/11/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.45 |
| 750 | APD0200534 | VŨ YẾN LINH           | 07/06/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.3  |
| 751 | APD0115321 | ĐỖ THỊ KHÁNH LINH     | 08/04/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP07 | 27.54 |
| 752 | APD0108152 | ĐỖ THỊ LINH           | 17/07/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08 | 28.05 |
| 753 | APD0106805 | HỒ THỊ LINH           | 02/08/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08 | 28.5  |
| 754 | APD0110488 | HOÀNG KHÁNH LINH      | 11/09/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08 | 28.7  |
| 755 | APD0103933 | NGUYỄN THỊ MAI LINH   | 02/12/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08 | 28.55 |
| 756 | APD0110100 | PHÙNG NGỌC LINH       | 05/09/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08 | 28.3  |
| 757 | APD0106406 | PHÙNG THỊ LINH        | 05/10/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08 | 28    |
| 758 | APD0110496 | NGUYỄN THÙY LINH      | 16/02/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08 | 29    |
| 759 | APD0124506 | CAO THỊ HAI LINH      | 24/08/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP07 | 27.56 |
| 760 | APD0200535 | NGUYỄN THỊ HỒNG LĨNH  | 08/03/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 24.85 |
| 761 | APD0200536 | VŨ THỊ LOAN           | 23/04/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 24.95 |
| 762 | APD0200538 | NGUYỄN THỊ ÁNH LỘC    | 20/12/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.3  |
| 763 | APD0200539 | TRƯƠNG THỊ LƯƠNG      | 23/11/2002 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.15 |
| 764 | APD0112520 | NGUYỄN THÈ LUYỆN      | 04/09/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08 | 28.25 |
| 765 | APD0200540 | BÙI THUỶ VĂN LY       | 10/12/2003 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 24.7  |
| 766 | APD0200541 | LÊ HUỲN LY            | 10/11/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.3  |
| 767 | APD0200542 | NGUYỄN THỊ KHÁNH LY   | 29/06/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.75 |
| 768 | APD0200543 | ĐỒNG THỊ MAI          | 01/04/2003 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 24.9  |
| 769 | APD0200544 | KHUẤT THỊ XUÂN MAI    | 15/04/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.25 |
| 770 | APD0200545 | PHẠM THỊ MAI          | 11/11/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 24.9  |



|     |            |                        |            |                       |       |       |
|-----|------------|------------------------|------------|-----------------------|-------|-------|
| 771 | APD0200546 | TRẦN NGỌC MAI          | 01/12/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.2  |
| 772 | APD0200547 | TRẦN THỊ THANH MAI     | 16/11/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.1  |
| 773 | APD0104144 | PHẠM HIỀN MAI          | 19/09/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP03 | 28.75 |
| 774 | APD0108236 | ĐẶNG THỊ KHÁNH MINH    | 24/06/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08 | 28.35 |
| 775 | APD0200548 | NGÔ THỊ TRÁ MY         | 28/05/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 24.75 |
| 776 | APD0200549 | VŨ THẢO MY             | 03/07/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.25 |
| 777 | APD0118478 | LƯU TRÁ MY             | 18/10/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP07 | 27.87 |
| 778 | APD0200550 | NGUYỄN VĂN NAM         | 13/06/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.45 |
| 779 | APD0200551 | NGUYỄN THỊ NGÀ         | 08/04/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 24.8  |
| 780 | APD0200552 | PHẠM THỦY NGÀ          | 11/10/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.15 |
| 781 | APD0200553 | ĐÌNH THỊ NGÀ           | 05/09/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 24.9  |
| 782 | APD0110039 | BÙI TRẦN THANH NGÂN    | 01/11/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP07 | 27.51 |
| 783 | APD0200554 | NGUYỄN THỊ NGỌC        | 02/02/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 24.8  |
| 784 | APD0113893 | VŨ HỒNG NGỌC           | 11/03/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08 | 28.7  |
| 785 | APD0113624 | TRẦN THỊ DIỆU NGỌC     | 11/12/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08 | 28.35 |
| 786 | APD0200555 | NGUYỄN THỊ HẢI NGUYỄN  | 02/04/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 26.25 |
| 787 | APD0104001 | NGUYỄN THỊ NGUYỄN      | 03/06/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08 | 28    |
| 788 | APD0200556 | ĐÌNH THỊ NHÀI          | 15/02/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.65 |
| 789 | APD0200557 | LÊ THỊ THANH NHAN      | 16/07/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.4  |
| 790 | APD0200558 | NGUYỄN ĐỨC NHAN        | 02/07/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.1  |
| 791 | APD0200559 | KHUẤT THỊ YẾN NHI      | 08/11/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 24.95 |
| 792 | APD0200560 | LÊ THẢO NHI            | 01/12/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25    |
| 793 | APD0200561 | PHẠM TRẦN KHÁNH NHI    | 27/05/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 24.85 |
| 794 | APD0200562 | NGUYỄN PHƯƠNG NHUNG    | 02/12/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.6  |
| 795 | APD0200563 | PHẠM THỊ PHI NHUNG     | 06/04/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.15 |
| 796 | APD0200564 | TRẦN KIM NHUNG         | 03/09/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 24.95 |
| 797 | APD0110191 | TRẦN THỊ HỒNG NHUNG    | 01/03/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08 | 28.55 |
| 798 | APD0200565 | VŨ LÂM OANH            | 03/12/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.5  |
| 799 | APD0200566 | NGUYỄN HOÀNG PHÚC      | 09/12/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 24.75 |
| 800 | APD0200567 | HÀ THỊ MAI PHƯƠNG      | 19/08/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 24.9  |
| 801 | APD0200568 | NGUYỄN MAI PHƯƠNG      | 29/11/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.1  |
| 802 | APD0200569 | PHẠM HOÀI PHƯƠNG       | 15/11/2003 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 24.7  |
| 803 | APD0100390 | HOÀNG THU PHƯƠNG       | 17/10/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08 | 28.35 |
| 804 | APD0200570 | MÀU HỒNG QUÂN          | 03/05/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 24.8  |
| 805 | APD0115603 | ĐỖ MINH QUÂN           | 26/05/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP03 | 28.5  |
| 806 | APD0113069 | NGUYỄN XUÂN QUÂN       | 27/03/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08 | 28.25 |
| 807 | APD0200571 | ĐÌNH THỊ QUỲNH         | 17/02/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.05 |
| 808 | APD0200572 | LƯU THỊ NGỌC QUỲNH     | 14/04/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.4  |
| 809 | APD0200573 | LƯU THỊ QUỲNH          | 28/10/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.15 |
| 810 | APD0200574 | VƯƠNG NHƯ QUỲNH        | 08/08/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 24.7  |
| 811 | APD0101611 | NGUYỄN THỊ QUỲNH       | 13/08/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP07 | 27.52 |
| 812 | APD0100340 | VƯƠNG THANH TÂM        | 05/04/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08 | 28.45 |
| 813 | APD0105814 | VŨ LÂM THÁI            | 03/04/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08 | 28.05 |
| 814 | APD0200584 | LÊ THỊ THẨM            | 18/04/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 24.7  |
| 815 | APD0200585 | TRẦN ĐỨC THẮNG         | 25/11/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.25 |
| 816 | APD0200575 | NGÔ PHƯƠNG THANH       | 19/02/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.1  |
| 817 | APD0200576 | NGUYỄN KIM THANH       | 16/11/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.2  |
| 818 | APD0104712 | BÙI THANH THANH        | 10/04/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08 | 28.4  |
| 819 | APD0107789 | NGUYỄN THỊ THANH       | 25/06/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08 | 28.5  |
| 820 | APD0200577 | LƯU THỊ THANH THẢO     | 28/08/2002 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.1  |
| 821 | APD0200578 | NGUYỄN ANH THẢO        | 21/12/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 24.8  |
| 822 | APD0200579 | NGUYỄN THỊ HƯƠNG THẢO  | 11/03/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.4  |
| 823 | APD0200580 | NGUYỄN THANH THẢO      | 22/06/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.65 |
| 824 | APD0200581 | PHẠM LỤC NGUYỄN THẢO   | 15/10/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 24.85 |
| 825 | APD0200582 | PHẠM THU THẢO          | 29/04/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.05 |
| 826 | APD0200583 | TRƯƠNG THỊ THẢO        | 01/01/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25    |
| 827 | APD0102243 | ĐỖ THỊ PHƯƠNG THẢO     | 04/10/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08 | 28.55 |
| 828 | APD0116038 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO | 23/01/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08 | 28.1  |
| 829 | APD0123871 | NGUYỄN THU THẢO        | 21/08/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08 | 28.05 |
| 830 | APD0108583 | ĐOÀN PHƯƠNG THẢO       | 24/06/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | DONL  | 19.25 |
| 831 | APD0200586 | NGUYỄN THỊ THU         | 24/11/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.05 |
| 832 | APD0200589 | CAO ANH THU            | 09/12/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.55 |
| 833 | APD0200590 | LÊ MINH THU            | 30/08/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.65 |
| 834 | APD0108062 | NGUYỄN MAI THU         | 26/03/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP01 | 29.75 |
| 835 | APD0200588 | NGUYỄN THỊ THU THỦY    | 08/03/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 24.7  |
| 836 | APD0200591 | HỨA THỊ TIẾN           | 17/05/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.55 |
| 837 | APD0107423 | ĐẶNG THỊ TRÁ           | 29/07/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08 | 29    |
| 838 | APD0200592 | ĐỖ QUỲNH TRANG         | 29/07/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 24.95 |
| 839 | APD0200593 | ĐỖ THỦY TRANG          | 29/01/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25    |
| 840 | APD0200594 | ĐÀO QUỲNH TRANG        | 05/08/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.4  |
| 841 | APD0200596 | NGUYỄN THU TRANG       | 01/05/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.1  |



|     |            |                       |            |                       |       |       |
|-----|------------|-----------------------|------------|-----------------------|-------|-------|
| 842 | APD0200597 | PHAM QUYNH TRANG      | 26/10/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.05 |
| 843 | APD0123877 | PHAM THỊ THUY TRANG   | 11/07/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP01 | 29.5  |
| 844 | APD0104984 | LÊ THỊ TRANG          | 18/01/2003 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP07 | 27.57 |
| 845 | APD0105855 | HOANG QUYNH TRANG     | 19/12/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08 | 28.65 |
| 846 | APD0110514 | LÊ THỊ HÀ TRANG       | 21/02/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08 | 28.7  |
| 847 | APD0110508 | LÊ THỊ TRANG          | 01/01/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08 | 28.75 |
| 848 | APD0109410 | NGUYỄN THỊ TRANG      | 19/06/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08 | 28.35 |
| 849 | APD0106339 | VŨ HUYỀN TRANG        | 01/10/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08 | 28.75 |
| 850 | APD0200599 | CHU QUỐC TRUNG        | 18/11/2003 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 24.7  |
| 851 | APD0200600 | NGUYỄN THANH TRUNG    | 12/09/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.1  |
| 852 | APD0200601 | NGUYỄN HỮU TỬ         | 12/03/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.5  |
| 853 | APD0200602 | NGUYỄN ANH TUẤN       | 18/05/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.35 |
| 854 | APD0200603 | PHẠM THANH TÙNG       | 08/09/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.65 |
| 855 | APD0110500 | HOÀNG THỊ THANH TUYỀN | 18/03/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP04 | 29.75 |
| 856 | APD0200604 | DƯƠNG ÁNH TUYẾT       | 03/08/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.3  |
| 857 | APD0200605 | KHUƠNG THỊ ANH TUYẾT  | 11/10/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.05 |
| 858 | APD0200606 | NGUYỄN THỊ THU YẾN    | 09/03/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 24.85 |
| 859 | APD0200607 | NGUYỄN THỊ UYÊN       | 11/11/2003 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.1  |
| 860 | APD0110241 | PHẠM TỎ UYÊN          | 05/04/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08 | 28.9  |
| 861 | APD0200608 | NGÔ THỊ PHƯƠNG VÂN    | 06/11/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP05 | 24.7  |
| 862 | APD0200609 | NGUYỄN THỊ VÂN        | 31/10/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.15 |
| 863 | APD0200610 | NGUYỄN THUY VÂN       | 22/11/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.3  |
| 864 | APD0200611 | PHẠM THANH VÂN        | 12/11/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 24.9  |
| 865 | APD0200612 | TA THỊ VÂN            | 10/11/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25    |
| 866 | APD0121653 | HOÀNG THẢO VÂN        | 08/01/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08 | 29    |
| 867 | APD0200613 | PHÙNG THẢO VI         | 07/05/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 24.85 |
| 868 | APD0200614 | ĐINH THỊ VY           | 25/03/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.15 |
| 869 | APD0200615 | LƯƠNG TƯỜNG VY        | 30/12/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.25 |
| 870 | APD0122982 | LƯƠNG THỊ XOAN        | 07/09/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08 | 30.45 |
| 871 | APD0200616 | TRẦN THỊ XUÂN         | 17/02/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 25.6  |
| 872 | APD0200617 | NGUYỄN MINH YÊN       | 18/09/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 24.9  |
| 873 | APD0200618 | NGUYỄN THỊ HẢI YÊN    | 25/02/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP09 | 24.8  |
| 874 | APD0101643 | LÊ THỊ HẢI YÊN        | 02/12/2004 | Ngành Kinh tế quốc tế | HCP08 | 28    |
|     |            | Ngành Kinh tế quốc tế |            | 257                   |       |       |
| 875 | APD0201119 | NGUYỄN THỊ KHÁNH AN   | 07/08/2004 | Ngành Luật Kinh tế    | HCP09 | 27    |
| 876 | APD0201120 | ĐẶNG MAI ANH          | 07/06/2004 | Ngành Luật Kinh tế    | HCP09 | 27    |
| 877 | APD0201121 | NGUYỄN PHƯƠNG ANH     | 06/08/2004 | Ngành Luật Kinh tế    | HCP09 | 27    |
| 878 | APD0201122 | NGUYỄN THỊ LAN ANH    | 20/02/2004 | Ngành Luật Kinh tế    | HCP09 | 28    |
| 879 | APD0201123 | NGUYỄN VĂN VIỆT ANH   | 26/09/2003 | Ngành Luật Kinh tế    | HCP09 | 27.25 |
| 880 | APD0201124 | VI HOÀNG ANH          | 08/04/2004 | Ngành Luật Kinh tế    | HCP09 | 27    |
| 881 | APD0201125 | VƯƠNG THỊ NGỌC ANH    | 22/06/2004 | Ngành Luật Kinh tế    | HCP09 | 27.25 |
| 882 | APD0104834 | VŨ CHÂU ANH           | 31/01/2004 | Ngành Luật Kinh tế    | HCP07 | 27.65 |
| 883 | APD0201126 | ĐIỀU THỊ DIỆU ANH     | 24/11/2003 | Ngành Luật Kinh tế    | HCP09 | 27.25 |
| 884 | APD0201127 | TRẦN THỊ ANH          | 18/09/2004 | Ngành Luật Kinh tế    | HCP09 | 27.75 |
| 885 | APD0120311 | VŨ ĐÌNH MINH ANH      | 28/09/2004 | Ngành Luật Kinh tế    | HCP08 | 28.4  |
| 886 | APD0201128 | NGUYỄN THỊ THANH BÌNH | 27/02/2004 | Ngành Luật Kinh tế    | HCP09 | 27.25 |
| 887 | APD0201129 | HOÀNG THỊ YẾN CHI     | 28/10/2004 | Ngành Luật Kinh tế    | HCP09 | 27    |
| 888 | APD0201130 | NGUYỄN LAN CHI        | 02/10/2003 | Ngành Luật Kinh tế    | HCP09 | 27    |
| 889 | APD0201131 | TRỊNH THỊ LINH CHI    | 19/07/2004 | Ngành Luật Kinh tế    | HCP09 | 27    |
| 890 | APD0116878 | NGUYỄN QUỲNH CHI      | 25/12/2004 | Ngành Luật Kinh tế    | HCP03 | 29    |
| 891 | APD0109340 | LƯƠNG NGỌC CƯỜNG      | 05/07/2004 | Ngành Luật Kinh tế    | HCP04 | 28.25 |
| 892 | APD0201135 | LƯƠNG CÔNG ĐẠT        | 21/03/2004 | Ngành Luật Kinh tế    | HCP09 | 27    |
| 893 | APD0201136 | NGUYỄN DUY ĐẠT        | 17/08/2004 | Ngành Luật Kinh tế    | HCP09 | 27.25 |
| 894 | APD0201137 | CHU VIỆT ĐỊNH         | 25/09/2004 | Ngành Luật Kinh tế    | HCP09 | 27    |
| 895 | APD0201132 | LÊ LINH DUNG          | 22/04/2004 | Ngành Luật Kinh tế    | HCP09 | 27    |
| 896 | APD0201134 | LƯU NGUYỄN THUY DƯƠNG | 11/01/2004 | Ngành Luật Kinh tế    | HCP09 | 27.75 |
| 897 | APD0103194 | LÊ VIỆT HẢI DƯƠNG     | 11/06/2004 | Ngành Luật Kinh tế    | HCP01 | 27.5  |
| 898 | APD0124316 | LÊ VĂN DƯƠNG          | 30/11/2004 | Ngành Luật Kinh tế    | HCP08 | 28.25 |
| 899 | APD0201133 | LÊ ĐỨC DUY            | 21/01/2004 | Ngành Luật Kinh tế    | HCP09 | 27.25 |
| 900 | APD0201138 | VŨ THỊ HÀ GIANG       | 03/02/2004 | Ngành Luật Kinh tế    | HCP09 | 27.25 |
| 901 | APD0201139 | ĐINH HỒNG HẢI         | 20/10/2004 | Ngành Luật Kinh tế    | HCP09 | 27    |
| 902 | APD0112020 | NGUYỄN THU HÀ         | 06/03/2004 | Ngành Luật Kinh tế    | HCP01 | 29.25 |
| 903 | APD0123996 | LỤC THỊ HỒNG HÀ       | 03/10/2004 | Ngành Luật Kinh tế    | HCP07 | 27.74 |
| 904 | APD0108854 | TRẦN HOÀNG HẢI        | 01/11/2004 | Ngành Luật Kinh tế    | HCP08 | 29.45 |
| 905 | APD0201144 | PHÙNG THỊ THU HẰNG    | 05/02/2004 | Ngành Luật Kinh tế    | HCP09 | 27.5  |
| 906 | APD0201141 | NGUYỄN HỒNG HẠNH      | 18/12/2004 | Ngành Luật Kinh tế    | HCP09 | 27.25 |
| 907 | APD0201142 | NGUYỄN THANH HẠNH     | 25/10/2004 | Ngành Luật Kinh tế    | HCP09 | 27.25 |
| 908 | APD0101556 | LÊ THỊ HỒNG HẠNH      | 24/07/2004 | Ngành Luật Kinh tế    | HCP07 | 28.77 |
| 909 | APD0201145 | TRẦN THỊ BÍCH HẬU     | 13/05/2003 | Ngành Luật Kinh tế    | HCP09 | 27.5  |
| 910 | APD0201146 | NGUYỄN THỊ THU HIỀN   | 04/03/2004 | Ngành Luật Kinh tế    | HCP09 | 27.5  |
| 911 | APD0201147 | NGUYỄN MINH HIỆU      | 24/04/2004 | Ngành Luật Kinh tế    | HCP09 | 27.25 |



|                                                     |            |                       |            |                    |       |       |
|-----------------------------------------------------|------------|-----------------------|------------|--------------------|-------|-------|
| 912                                                 | APD0123745 | NHÂM HOÀNG MINH HIẾU  | 20/02/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP08 | 28.1  |
| 913                                                 | APD0121810 | PHẠM MẠNH HIẾU        | 19/10/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP08 | 28.6  |
| 914                                                 | APD0109948 | NGUYỄN THỊ THANH HOA  | 22/02/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP01 | 27.5  |
| 915                                                 | APD0201148 | LÝ KHÁNH HÒA          | 08/11/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP09 | 29    |
| 916                                                 | APD0102922 | LÊ THỊ HUỆ            | 25/10/2003 | Ngành Luật Kinh tế | HCP01 | 27.5  |
| 917                                                 | APD0201150 | ĐINH VIỆT HÙNG        | 29/11/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP09 | 27.5  |
| 918                                                 | APD0201154 | VŨ THANH HUNG         | 16/08/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP09 | 27    |
| 919                                                 | APD0201155 | NGUYỄN THANH HƯƠNG    | 04/11/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP09 | 27.25 |
| 920                                                 | APD0102465 | NGUYỄN LAN HƯƠNG      | 29/02/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP01 | 27.75 |
| 921                                                 | APD0201152 | TÔ THỊ HUỖN           | 07/09/2003 | Ngành Luật Kinh tế | HCP09 | 28    |
| 922                                                 | APD0100008 | ĐINH NGỌC HUỖN        | 14/08/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP08 | 28.15 |
| 923                                                 | APD0109194 | NGUYỄN ĐỖ THU HUỖN    | 26/04/2004 | Ngành Luật Kinh tế | DGNL  | 18.6  |
| 924                                                 | APD0116519 | HOÀNG GIA KHÁNH       | 23/09/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP08 | 28.1  |
| 925                                                 | APD0201156 | VŨ TRUNG KIẾN         | 01/06/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP09 | 28    |
| 926                                                 | APD0201157 | LÊ NGỌC TRƯỜNG KỶ     | 18/02/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP09 | 27.5  |
| 927                                                 | APD0201158 | VÕ THỊ MỸ LAN         | 19/10/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP09 | 27    |
| 928                                                 | APD0201159 | HÀ THUY LINH          | 13/06/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP09 | 27.25 |
| 929                                                 | APD0201160 | HOÀNG THỊ MỸ LINH     | 13/08/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP09 | 28    |
| 930                                                 | APD0201162 | NGUYỄN PHƯƠNG LINH    | 23/10/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP09 | 27.5  |
| 931                                                 | APD0201163 | PHAN THUY LINH        | 29/06/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP07 | 27.75 |
| 932                                                 | APD0201164 | TRẦN KHÁNH LINH       | 04/10/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP09 | 27    |
| 933                                                 | APD0110171 | TRẦN BẢO LỘC          | 19/05/2003 | Ngành Luật Kinh tế | HCP07 | 27.57 |
| Tuyển thẳng theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo |            |                       |            |                    |       |       |
| 934                                                 | APD0000766 | NGUYỄN THÀNH LONG     | 25/07/2004 | Ngành Luật Kinh tế |       |       |
| 935                                                 | APD0201165 | PHẠM CẨM LY           | 15/05/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP09 | 28    |
| 936                                                 | APD0201166 | PHÙNG PHƯƠNG LY       | 24/11/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP09 | 27    |
| 937                                                 | APD0201167 | NGUYỄN XUÂN NAM       | 24/07/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP09 | 28    |
| 938                                                 | APD0118808 | ĐÀO PHƯƠNG NAM        | 26/08/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP08 | 28.25 |
| 939                                                 | APD0201168 | BÙI MINH NGHĨA        | 25/12/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP09 | 27.5  |
| 940                                                 | APD0201169 | TRẦN BÍCH NGỌC        | 13/09/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP09 | 27.25 |
| 941                                                 | APD0116821 | NGUYỄN KIM NGỌC       | 04/06/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP08 | 28.65 |
| 942                                                 | APD0201170 | VƯƠNG THẢO NGUYỄN     | 18/10/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP09 | 27    |
| 943                                                 | APD0124101 | BÊ UỖN NHI            | 21/03/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP04 | 27.55 |
| 944                                                 | APD0101707 | NGUYỄN THỊ NHUNG      | 29/03/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP01 | 29    |
| 945                                                 | APD0111606 | NGUYỄN HẢI NHUNG      | 08/02/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP08 | 29.1  |
| 946                                                 | APD0201171 | NGUYỄN DUY PHONG      | 05/05/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP09 | 27.5  |
| 947                                                 | APD0201172 | ĐINH MINH PHƯƠNG      | 19/02/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP09 | 27.5  |
| 948                                                 | APD0201173 | HOÀNG MAI PHƯƠNG      | 04/11/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP09 | 28    |
| 949                                                 | APD0201174 | LÊ VĂN PHƯƠNG         | 07/04/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP09 | 27.25 |
| 950                                                 | APD0106072 | NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG | 01/04/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP01 | 29.25 |
| 951                                                 | APD0116853 | TRƯƠNG HẠNH PHƯƠNG    | 26/11/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP08 | 28.1  |
| 952                                                 | APD0201175 | TRẦN THỊ PHƯƠNG       | 22/12/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP09 | 28    |
| 953                                                 | APD0201176 | NGUYỄN HỒNG QUÂN      | 05/05/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP09 | 27.25 |
| 954                                                 | APD0119135 | PHẠM HỮU QUÂN         | 23/10/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP08 | 28.7  |
| 955                                                 | APD0122619 | NINH THỊ QUYỀN        | 01/07/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP07 | 28.79 |
| 956                                                 | APD0201178 | TÔNG THỊ DIỄM QUỲNH   | 21/10/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP09 | 27    |
| 957                                                 | APD0106560 | NGUYỄN THỊ QUỲNH      | 12/11/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP01 | 27.75 |
| 958                                                 | APD0201179 | HOÀNG NGỌC SƠN        | 27/12/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP09 | 28    |
| 959                                                 | APD0201180 | NGÔ THỊ MINH TÂM      | 11/04/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP09 | 27.25 |
| 960                                                 | APD0123316 | NGUYỄN ĐÌNH TÂM       | 20/01/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP01 | 27.5  |
| 961                                                 | APD0201185 | LÊ VĂN THÂN           | 10/03/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP09 | 27    |
| 962                                                 | APD0201184 | TRẦN CHIẾN THẮNG      | 17/06/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP09 | 27.25 |
| 963                                                 | APD0201181 | HÀ THỊ PHƯƠNG THẢO    | 09/10/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP09 | 28    |
| 964                                                 | APD0201182 | LƯƠNG THỊ PHƯƠNG THẢO | 22/08/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP09 | 27.75 |
| 965                                                 | APD0113954 | ĐÀO THỊ PHƯƠNG THẢO   | 27/12/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP08 | 28.1  |
| 966                                                 | APD0201186 | PHẠM THỊ THU          | 06/02/2003 | Ngành Luật Kinh tế | HCP09 | 27.25 |
| 967                                                 | APD0201187 | TRẦN QUỐC THUẬN       | 10/01/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP09 | 27.25 |
| 968                                                 | APD0201189 | ĐINH XUÂN THƯƠNG      | 22/05/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP09 | 28    |
| 969                                                 | APD0120033 | VĨ THỊ TÂM THƯƠNG     | 18/01/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP08 | 28.9  |
| 970                                                 | APD0118862 | KHOẢNG THU THUY       | 02/01/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP08 | 28.75 |
| 971                                                 | APD0105469 | NGUYỄN THỊ HỒNG THUY  | 13/01/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP04 | 27.65 |
| 972                                                 | APD0201188 | NGUYỄN THỊ THUY       | 22/04/2003 | Ngành Luật Kinh tế | HCP09 | 27.5  |
| 973                                                 | APD0101064 | HOÀNG THU THUY        | 17/08/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP07 | 27.58 |
| 974                                                 | APD0103837 | NGUYỄN KHÁNH TOÀN     | 26/05/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP03 | 27.75 |
| 975                                                 | APD0201191 | DI THỊ THU TRANG      | 30/08/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP09 | 27.75 |
| 976                                                 | APD0201192 | ĐỖ KIỀU TRANG         | 03/08/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP09 | 27.75 |
| 977                                                 | APD0201193 | LONG THỊ THU TRANG    | 14/01/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP09 | 27.25 |
| 978                                                 | APD0201194 | NGUYỄN HUỖN TRANG     | 30/01/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP09 | 27.25 |
| 979                                                 | APD0201195 | NGUYỄN NGỌC TRANG     | 05/11/2004 | Ngành Luật Kinh tế | HCP09 | 28    |



|      |            |                      |            |                        |       |       |
|------|------------|----------------------|------------|------------------------|-------|-------|
| 980  | APD0110162 | TRẦN QUỲNH TRANG     | 18/10/2004 | Ngành Luật Kinh tế     | HCP01 | 27.75 |
| 981  | APD0201196 | HỒ QUỐC TRƯỜNG       | 05/10/2004 | Ngành Luật Kinh tế     | HCP09 | 27.25 |
| 982  | APD0201197 | BUI NGUYỄN ANH TÚ    | 12/02/2004 | Ngành Luật Kinh tế     | HCP09 | 27    |
| 983  | APD0201199 | NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT | 11/01/2004 | Ngành Luật Kinh tế     | HCP09 | 27.25 |
| 984  | APD0119437 | TRẦN NGỌC UY         | 16/02/2004 | Ngành Luật Kinh tế     | HCP07 | 27.57 |
| 985  | APD0123835 | NGUYỄN LÂN UYÊN      | 18/08/2004 | Ngành Luật Kinh tế     | HCP04 | 27.7  |
| 986  | APD0106290 | NGUYỄN THỊ THẢO VÂN  | 27/08/2004 | Ngành Luật Kinh tế     | HCP08 | 28.1  |
| 987  | APD0201200 | PHAN CÔNG VINH       | 10/11/2004 | Ngành Luật Kinh tế     | HCP09 | 27.5  |
| 988  | APD0201201 | LÊ THỊ MINH VƯỢNG    | 01/09/2004 | Ngành Luật Kinh tế     | HCP09 | 27.5  |
| 989  | APD0201202 | ĐINH THỊ KIỀU VY     | 23/06/2004 | Ngành Luật Kinh tế     | HCP09 | 27.75 |
| 990  | APD0201203 | VŨ THỊ THANH XUÂN    | 24/01/2004 | Ngành Luật Kinh tế     | HCP09 | 27.75 |
| 991  | APD0201204 | NGUYỄN THỊ HỒNG YẾN  | 11/08/2004 | Ngành Luật Kinh tế     | HCP09 | 27.75 |
|      |            | Ngành Luật Kinh tế   |            | 117                    |       |       |
| 992  | APD0200703 | PHAN VĂN ẨM          | 05/04/2003 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP09 | 26    |
| 993  | APD0200694 | NGUYỄN THỊ BÌNH AN   | 25/12/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP09 | 26.5  |
| 994  | APD0200695 | NGUYỄN THỊ MAI ANH   | 20/09/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP09 | 25.25 |
| 995  | APD0200698 | TRẦN HẢI ANH         | 24/07/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP09 | 24.25 |
| 996  | APD0200700 | TRẦN QUỲNH ANH       | 07/05/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP09 | 26.5  |
| 997  | APD0200701 | VŨ QUỲNH ANH         | 28/09/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP09 | 24.25 |
| 998  | APD0119395 | LÊ PHƯƠNG ANH        | 16/01/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP08 | 27.4  |
| 999  | APD0112443 | NGUYỄN NGỌC ANH      | 16/06/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP08 | 27.15 |
| 1000 | APD0106487 | TRẦN NGỌC ANH        | 23/09/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP07 | 26.78 |
| 1001 | APD0200704 | NGUYỄN VĂN BẢO       | 01/05/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP09 | 25.25 |
| 1002 | APD0200705 | LÊ HOÀNG CẦU         | 27/09/2003 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP09 | 26.75 |
| 1003 | APD0200706 | TRƯƠNG THỊ LINH CHỊ  | 27/08/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP09 | 24.5  |
| 1004 | APD0113002 | VỊ THỊ LINH CHỊ      | 23/04/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP08 | 28.5  |
| 1005 | APD0200707 | NGUYỄN THANH CHỨC    | 26/07/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP09 | 25.5  |
| 1006 | APD0113244 | NGUYỄN THANH CHỨC    | 22/01/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP01 | 27.25 |
| 1007 | APD0200713 | NGUYỄN HOÀNG ĐẠT     | 20/11/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP09 | 24.75 |
| 1008 | APD0200714 | NGUYỄN VĂN ĐẠT       | 06/03/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP09 | 25.8  |
| 1009 | APD0200716 | HOÀNG MẠI ĐIỆP       | 19/05/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP09 | 26.25 |
| 1010 | APD0200708 | VĂN THỊ MỸ DUNG      | 08/10/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP09 | 27    |
| 1011 | APD0200712 | NGUYỄN HẢI DƯƠNG     | 02/11/2003 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP09 | 27.25 |
| 1012 | APD0200709 | TRẦN HOÀNG DUY       | 28/10/2002 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP09 | 24.4  |
| 1013 | APD0200710 | LÊ THỊ DUYỀN         | 22/01/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP09 | 26    |
| 1014 | APD0200711 | TRẦN THỊ BÍCH DUYỀN  | 17/12/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP09 | 26.25 |
| 1015 | APD0200718 | VŨ HƯƠNG GIANG       | 06/06/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP09 | 25.5  |
| 1016 | APD0120641 | VŨ SON HÀ            | 09/11/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP08 | 27.2  |
| 1017 | APD0200720 | ĐẶNG THỊ HẰNG        | 22/04/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP09 | 25.5  |
| 1018 | APD0108701 | NÔNG THỊ HẠNH        | 01/06/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP08 | 27.2  |
| 1019 | APD0200721 | PHẠM THỊ MINH HIỀN   | 20/06/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP09 | 25    |
| 1020 | APD0200722 | QUẦN THU HIỀN        | 17/06/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP09 | 26.25 |
| 1021 | APD0114684 | BUI THỊ THUY HIỀN    | 04/12/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP08 | 27.95 |
| 1022 | APD0200723 | HÀ THỊ HOA           | 05/08/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP09 | 25.1  |
| 1023 | APD0200724 | ĐẶNG THỊ HOÀI        | 11/09/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP09 | 25.75 |
| 1024 | APD0200730 | NGUYỄN LÊ SÔNG HƯƠNG | 05/06/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP09 | 26    |
| 1025 | APD0200727 | HOÀNG QUANG HUY      | 28/10/2003 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP09 | 25    |
| 1026 | APD0200728 | ĐỖ THỊ THU HUYỀN     | 14/01/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP09 | 24.5  |
| 1027 | APD0200729 | PHÙNG THỊ THU HUYỀN  | 15/07/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP09 | 24.4  |
| 1028 | APD0100343 | ĐINH THU HUYỀN       | 18/01/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP08 | 27.45 |
| 1029 | APD0107950 | TRẦN TRUNG KIẾN      | 12/02/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP07 | 26.97 |
| 1030 | APD0200732 | ĐÀO THỊ NGỌC LAN     | 08/04/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP09 | 24.75 |
| 1031 | APD0200733 | NGUYỄN THỊ MỸ LỆ     | 10/01/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP09 | 25.5  |
| 1032 | APD0200734 | ĐỖ THỊ HỒNG LIÊN     | 21/01/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP09 | 26.5  |
| 1033 | APD0200735 | HÀ THỊ MỸ LINH       | 10/09/2003 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP09 | 28.25 |
| 1034 | APD0200736 | HÀN PHƯƠNG LINH      | 09/08/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP09 | 24.25 |
| 1035 | APD0200737 | LÊ KHÁNH LINH        | 18/08/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP09 | 25    |
| 1036 | APD0200738 | LƯƠNG THỊ THUY LINH  | 21/10/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP09 | 25.25 |
| 1037 | APD0200740 | NGUYỄN THỊ NGỌC LINH | 10/08/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP09 | 25.25 |
| 1038 | APD0108377 | NGUYỄN HÀ LINH       | 20/12/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP08 | 27.45 |
| 1039 | APD0200741 | TRẦN THỊ LOAN        | 27/08/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP09 | 26    |
| 1040 | APD0200742 | NGÔ ĐỨC LONG         | 26/09/2003 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP09 | 24.25 |
| 1041 | APD0200743 | DƯƠNG XUÂN LƯỢNG     | 24/08/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP09 | 25.25 |
| 1042 | APD0200744 | TÀ THỊ HỒNG LÝ       | 17/12/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP09 | 25.75 |
| 1043 | APD0200745 | CHU NGỌC MAI         | 13/06/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP09 | 27.75 |
| 1044 | APD0113960 | NGUYỄN HOÀNG MAI     | 09/02/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP01 | 27.75 |
| 1045 | APD0200747 | CHÁO TẢ MẮY          | 19/07/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP09 | 26.75 |
| 1046 | APD0200748 | PHẠM THỊ NGỌC MINH   | 09/02/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP09 | 26.25 |
| 1047 | APD0200749 | VŨ THỊ MINH          | 15/04/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP09 | 25.25 |
| 1048 | APD0106859 | NGUYỄN HOÀNG NGÂN    | 06/08/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP08 | 27.15 |
| 1049 | APD0200750 | LÊ BÍCH NGỌC         | 02/06/2003 | Ngành Quản lý Nhà nước | HCP09 | 26.5  |



|                        |            |                         |            |                             |       |       |
|------------------------|------------|-------------------------|------------|-----------------------------|-------|-------|
| 1050                   | APD0200752 | PHAM BAO NGOC           | 25/07/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước      | HCP09 | 26.25 |
| 1051                   | APD0200754 | PHAM THI MINH NGUYET    | 05/06/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước      | HCP09 | 25.25 |
| 1052                   | APD0200755 | HÔ NGOC THANH NHAN      | 25/07/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước      | HCP09 | 24.5  |
| 1053                   | APD0200756 | NGUYEN LE UYEN NHI      | 26/02/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước      | HCP09 | 25.75 |
| 1054                   | APD0200760 | TRAN THI KIM OANH       | 22/06/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước      | HCP09 | 25.5  |
| 1055                   | APD0200751 | TA MINH PHU             | 05/11/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước      | HCP09 | 25    |
| 1056                   | APD0200762 | NGUYEN THI MAI PHUONG   | 17/02/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước      | HCP09 | 25.25 |
| 1057                   | APD0200764 | LE ANH QUAN             | 03/07/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước      | HCP09 | 26.25 |
| 1058                   | APD0108651 | NGUYEN CHI QUYEN        | 27/05/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước      | HCP08 | 27.3  |
| 1059                   | APD0200765 | BUI PHUONG THAO         | 25/07/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước      | HCP09 | 25    |
| 1060                   | APD0200766 | NGUYEN PHAM PHUONG THAO | 16/02/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước      | HCP09 | 24.5  |
| 1061                   | APD0108521 | VU THI PHUONG THAO      | 28/01/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước      | HCP04 | 29.35 |
| 1062                   | APD0200770 | LUONG THI THU           | 02/11/2003 | Ngành Quản lý Nhà nước      | HCP09 | 24.75 |
| 1063                   | APD0112714 | ĐAM THI MINH THU        | 07/02/2003 | Ngành Quản lý Nhà nước      | HCP08 | 27.15 |
| 1064                   | APD0200771 | TRAN PHUC TIEN          | 23/01/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước      | HCP09 | 24.25 |
| 1065                   | APD0200772 | ĐO THI THU TRANG        | 29/02/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước      | HCP09 | 26.75 |
| 1066                   | APD0200773 | ĐINH THI KIEU TRANG     | 12/08/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước      | HCP09 | 25.75 |
| 1067                   | APD0200775 | VU HUYEN TRANG          | 20/09/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước      | HCP09 | 24.75 |
| 1068                   | APD0200776 | VU THU TRANG            | 28/11/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước      | HCP09 | 24.5  |
| 1069                   | APD0100163 | NGUYEN BAO TRANG        | 22/09/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước      | HCP08 | 27.15 |
| 1070                   | APD0115906 | VU DO MINH TRANG        | 24/12/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước      | HCP08 | 27.45 |
| 1071                   | APD0200777 | VI THI KIEU TRINH       | 02/08/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước      | HCP09 | 26    |
| 1072                   | APD0200778 | LUONG XUAN TRUONG       | 21/07/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước      | HCP09 | 24.75 |
| 1073                   | APD0200779 | VI THI THAO VAN         | 11/09/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước      | HCP09 | 26.75 |
| 1074                   | APD0117060 | NONG THUY VAN           | 11/04/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước      | HCP07 | 28.72 |
| 1075                   | APD0104256 | NGUYEN HA VI            | 04/03/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước      | HCP04 | 27.25 |
| 1076                   | APD0200780 | ĐAM THI KHANH VY        | 22/09/2004 | Ngành Quản lý Nhà nước      | HCP09 | 24.5  |
| 1077                   | APD0200781 | KHOANG TU XA            | 05/12/2003 | Ngành Quản lý Nhà nước      | HCP09 | 27.25 |
| 86                     |            |                         |            |                             |       |       |
| Ngành Quản lý nhà nước |            |                         |            |                             |       |       |
| 1078                   | APD0200936 | HOANG TAM ANH           | 01/12/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.55 |
| 1079                   | APD0200937 | LE MAI ANH              | 09/07/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 25.25 |
| 1080                   | APD0200938 | LE THUC ANH             | 22/02/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 25.4  |
| 1081                   | APD0200939 | NGUYEN MINH ANH         | 15/01/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 25.1  |
| 1082                   | APD0200940 | NGUYEN QUYNH ANH        | 04/04/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.5  |
| 1083                   | APD0200941 | NGUYEN THI MAI ANH      | 15/06/2003 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.5  |
| 1084                   | APD0200942 | NGUYEN THI QUYNH ANH    | 18/10/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.75 |
| 1085                   | APD0200943 | NONG THI PHUONG ANH     | 31/10/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 25.18 |
| 1086                   | APD0200944 | PHAM THI PHUONG ANH     | 12/02/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 25.1  |
| 1087                   | APD0200945 | TRUONGNGUYEN ANH        | 16/01/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.55 |
| 1088                   | APD0100322 | ĐO TU ANH               | 25/01/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP08 | 28.35 |
| 1089                   | APD0102617 | ĐO NGOC ANH             | 09/07/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP08 | 27.95 |
| 1090                   | APD0121739 | TRAN THI VAN ANH        | 25/01/2003 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP08 | 28.05 |
| 1091                   | APD0104058 | NGUYEN MINH ANH         | 26/08/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP08 | 28.75 |
| 1092                   | APD0113119 | TRAN THI LAN ANH        | 28/10/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP08 | 28.2  |
| 1093                   | APD0110442 | PHI THI NGOC ANH        | 12/02/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP08 | 27.9  |
| 1094                   | APD0113597 | NGUYEN NGOC ANH         | 20/03/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP08 | 28.45 |
| 1095                   | APD0121603 | TRAN NGOC ANH           | 12/01/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP08 | 28.05 |
| 1096                   | APD0200947 | ĐO XUAN BACH            | 04/10/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.65 |
| 1097                   | APD0200948 | NGUYEN XUAN BACH        | 07/01/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.7  |
| 1098                   | APD0200949 | TRAN BAO CHAU           | 09/02/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.7  |
| 1099                   | APD0112365 | LANG THI QUYNH CHAU     | 25/11/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP01 | 28.25 |
| 1100                   | APD0103495 | DOAN MINH CHAU          | 19/05/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP07 | 27.72 |
| 1101                   | APD0200950 | DUONG NGOC LINH CHI     | 22/07/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.65 |
| 1102                   | APD0200951 | ĐANG LINH CHI           | 27/10/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.95 |
| 1103                   | APD0200952 | ĐANG YEN CHI            | 19/01/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 25.2  |
| 1104                   | APD0111494 | LE THI LINH CHI         | 15/06/1999 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP03 | 30    |
| 1105                   | APD0104273 | NGUYEN THAO CHI         | 23/06/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP08 | 28    |
| 1106                   | APD0200953 | TRAN TRUNG CHINH        | 01/11/2003 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.5  |
| 1107                   | APD0200960 | BUI XUAN DAT            | 14/06/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.75 |
| 1108                   | APD0200961 | TA TIEN DAT             | 05/03/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 25.05 |
| 1109                   | APD0200962 | VU CONG DAT             | 05/01/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.5  |
| 1110                   | APD0200954 | BUI NGOC DOANH          | 30/09/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 25.45 |
| 1111                   | APD0200963 | PHAM ANH DUC            | 12/01/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.55 |
| 1112                   | APD0200955 | NGUYEN THI THUY DUNG    | 24/04/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.65 |
| 1113                   | APD0200956 | NGUYEN THI THUY DUNG    | 18/02/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 25.4  |
| 1114                   | APD0200957 | NGUYEN THUY DUNG        | 25/03/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.6  |
| 1115                   | APD0200958 | NGUYEN TAN DUNG         | 02/07/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 25.15 |
| 1116                   | APD0200959 | NGUYEN THI DUYEN        | 22/01/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 26    |
| 1117                   | APD0200964 | NGUYEN THI HAI EN       | 09/03/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.55 |
| 1118                   | APD0200965 | HOANG THI HONG GAM      | 07/06/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 25.2  |
| 1119                   | APD0200966 | NGUYEN THI HUONG GIANG  | 04/11/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 25.05 |



|      |            |                       |            |                             |       |       |
|------|------------|-----------------------|------------|-----------------------------|-------|-------|
| 1120 | APD0200967 | CÙNG TĂNG HÀ          | 18/09/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.7  |
| 1121 | APD0124156 | TĂNG XUÂN HÀ          | 06/02/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP08 | 28.9  |
| 1122 | APD0200968 | PHÙNG THỊ ANH HẰNG    | 31/01/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 25.2  |
| 1123 | APD0114406 | NGÔ THANH HẰNG        | 04/11/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP08 | 27.85 |
| 1124 | APD0200969 | NGUYỄN THỊ HIỀN       | 11/08/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.65 |
| 1125 | APD0200970 | NGUYỄN THỊ THANH HIỀN | 09/10/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.55 |
| 1126 | APD0200971 | QUÁCH THU HIỀN        | 20/02/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.55 |
| 1127 | APD0200972 | TA THỊ THU HIỀN       | 13/09/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.5  |
| 1128 | APD0112125 | NGUYỄN THỊ THUY HIỀN  | 20/02/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP07 | 27.53 |
| 1129 | APD0200973 | HOÀNG TRUNG HIỂU      | 19/11/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 25.05 |
| 1130 | APD0200974 | NGUYỄN THANH HOA      | 15/10/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 25.1  |
| 1131 | APD0200975 | VƯƠNG THỊ NHƯ HOA     | 08/06/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 25.05 |
| 1132 | APD0200976 | ĐÀO HUY HOÀNG         | 05/02/2003 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 25.05 |
| 1133 | APD0200977 | NGUYỄN THỊ NGỌC HỒNG  | 29/06/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.65 |
| 1134 | APD0200981 | DƯƠNG THU HƯƠNG       | 03/06/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.9  |
| 1135 | APD0200982 | LỖ THỊ HƯƠNG          | 29/09/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.7  |
| 1136 | APD0200984 | TÔ THU HƯƠNG          | 18/12/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 25.25 |
| 1137 | APD0200985 | NÔNG THỊ BÍCH HƯƠNG   | 25/07/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 25.4  |
| 1138 | APD0112966 | TRẦN THỊ THUY HƯƠNG   | 24/11/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP08 | 27.9  |
| 1139 | APD0200979 | NGUYỄN QUANG HUY      | 19/08/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.7  |
| 1140 | APD0200980 | VŨ QUANG HUY          | 19/04/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 27.75 |
| 1141 | APD0111057 | NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN | 16/01/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP01 | 27.9  |
| 1142 | APD0106533 | ĐỖ NGỌC HUYỀN         | 27/10/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP08 | 24.65 |
| 1143 | APD0200986 | LÊ HUỆ KHANH          | 23/07/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 27.9  |
| 1144 | APD0111476 | ĐẶNG BAO KHANH        | 26/12/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP08 | 27.9  |
| 1145 | APD0108949 | BÀN THUY KIỀU         | 02/10/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP08 | 28.25 |
| 1146 | APD0109366 | TRIỆU THỊ KIỀU        | 29/07/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP08 | 24.55 |
| 1147 | APD0200988 | TÀ ĐÀI LÂM            | 21/05/2003 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 25.05 |
| 1148 | APD0200987 | ĐÀO THỊ NGỌC LAN      | 11/02/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.6  |
| 1149 | APD0200989 | NGUYỄN NHẬT LÊ        | 02/01/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 27.95 |
| 1150 | APD0109992 | ĐOÀN THỊ NHẬT LÊ      | 10/02/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP08 | 25    |
| 1151 | APD0200990 | ĐÀO KHÁNH LINH        | 11/12/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.9  |
| 1152 | APD0200991 | HỒ THỊ THUY LINH      | 07/04/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.8  |
| 1153 | APD0200993 | NGÔ PHƯƠNG LINH       | 30/03/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.6  |
| 1154 | APD0200994 | NGUYỄN KHÁNH LINH     | 18/09/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 25.1  |
| 1155 | APD0200995 | PHẠM PHƯƠNG TÚ LINH   | 30/08/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.85 |
| 1156 | APD0200996 | PHẠM THỊ THUY LINH    | 13/09/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 25.45 |
| 1157 | APD0200997 | PHẠM THỊ THUY LINH    | 28/05/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.55 |
| 1158 | APD0200998 | TỔNG KHÁNH LINH       | 22/10/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.55 |
| 1159 | APD0200999 | TRẦN KHÁNH LINH       | 08/11/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.75 |
| 1160 | APD0201000 | VŨ THỊ DIỆU LINH      | 26/07/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.7  |
| 1161 | APD0201001 | VŨ THỊ LINH           | 13/12/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 28.08 |
| 1162 | APD0107641 | TRẦN KHÁNH LINH       | 09/05/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP07 | 27.95 |
| 1163 | APD0107714 | LẠI NHẬT LINH         | 26/08/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP08 | 28.2  |
| 1164 | APD0107870 | NGUYỄN THỊ NGỌC LINH  | 22/10/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP08 | 28.15 |
| 1165 | APD0110608 | NGUYỄN THUY LINH      | 25/11/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP08 | 27.85 |
| 1166 | APD0103708 | TRẦN KHÁNH LINH       | 04/12/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP08 | 24.7  |
| 1167 | APD0201002 | TRẦN THỊ THANH LOAN   | 18/06/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 29.6  |
| 1168 | APD0108953 | DƯƠNG BUI NGỌC LONG   | 27/04/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP08 | 28.05 |
| 1169 | APD0124168 | ĐỖ THỊ LY             | 16/05/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP08 | 24.5  |
| 1170 | APD0201003 | PHAN THỊ HỒNG LÝ      | 07/12/2003 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.9  |
| 1171 | APD0201004 | PHẠM PHƯƠNG MAI       | 16/09/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 25.1  |
| 1172 | APD0201005 | PHẠM THỊ QUỲNH MAI    | 13/08/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.5  |
| 1173 | APD0201006 | TRẦN THỊ MAI          | 22/09/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 28.15 |
| 1174 | APD0101099 | PHẠM HOÀNG MAI        | 22/10/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP08 | 25.15 |
| 1175 | APD0201007 | ĐINH ĐĂNG MẠNH        | 28/07/2003 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 28.19 |
| 1176 | APD0119595 | TRƯƠNG TUẤN MINH      | 20/02/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP07 | 28.05 |
| 1177 | APD0106699 | NGUYỄN QUANG MINH     | 26/03/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP08 | 25.65 |
| 1178 | APD0201008 | NGÔ THỊ MƠ            | 29/10/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.5  |
| 1179 | APD0201009 | LÊ NGUYỄN TRÁ MY      | 11/11/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.65 |
| 1180 | APD0201010 | NGUYỄN TRÁ MY         | 25/05/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.9  |
| 1181 | APD0201011 | PHẠM THỊ TRÁ MY       | 20/06/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 28.05 |
| 1182 | APD0101636 | NGUYỄN TRÁ MY         | 20/03/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP08 | 27.9  |
| 1183 | APD0124720 | PHẠM HÀ MY            | 07/02/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP08 | 25.45 |
| 1184 | APD0201012 | PHẠM LÊ NA            | 02/08/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 25.35 |
| 1185 | APD0201013 | LƯU THỊ HẰNG NGA      | 26/03/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 25.45 |
| 1186 | APD0201014 | NGUYỄN THỊ NGA        | 08/06/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 25    |
| 1187 | APD0201017 | TÔ NGỌC NGÂN          | 12/05/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 28    |
| 1188 | APD0106260 | NGUYỄN HIỂU NGÂN      | 12/02/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP08 | 24.9  |
| 1189 | APD0201015 | NGUYỄN THỊ NGÁT       | 09/05/2003 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.75 |
| 1190 | APD0201018 | LÊ HOÀNG MINH NGỌC    | 15/02/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 |       |



|      |            |                             |            |                             |       |       |
|------|------------|-----------------------------|------------|-----------------------------|-------|-------|
| 1191 | APD0201019 | MAI ANH NGOC                | 17/01/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.55 |
| 1192 | APD0201020 | NGUYỄN THỊ MINH NGOC        | 18/06/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 25.4  |
| 1193 | APD0123781 | TRẦN THỊ BÍCH NGOC          | 13/02/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP07 | 28.23 |
| 1194 | APD0123392 | NGUYỄN THỊ NGOC             | 12/08/1999 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP08 | 28.6  |
| 1195 | APD0101953 | HỒ THỊ NGUYỄN               | 28/03/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP08 | 27.8  |
| 1196 | APD0201021 | NGUYỄN THANH NHAN           | 02/09/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.55 |
| 1197 | APD0201022 | PHAN THỊ NHAN               | 30/12/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.6  |
| 1198 | APD0201023 | ĐÀO NGUYỄN NHẬT             | 17/07/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.9  |
| 1199 | APD0201024 | ĐINH THỊ YẾN NHI            | 22/09/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 25    |
| 1200 | APD0201025 | NGUYỄN THỊ QUỲNH NHI        | 12/11/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.6  |
| 1201 | APD0119868 | NGUYỄN THỊ YẾN NHI          | 25/12/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP01 | 27.5  |
| 1202 | APD0103814 | DƯƠNG YẾN NHI               | 17/10/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP08 | 28.6  |
| 1203 | APD0201026 | BUI THỊ NHUNG               | 07/02/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 25.45 |
| 1204 | APD0201027 | VŨ THỊ NHUNG                | 02/10/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.65 |
| 1205 | APD0100359 | PHAN THỊ HỒNG NHUNG         | 07/06/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | DGNL  | 18.25 |
| 1206 | APD0201029 | TRẦN KIỀU OANH              | 03/12/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 25.55 |
| 1207 | APD0120409 | HOÀNG PHƯƠNG OANH           | 23/07/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP01 | 28.25 |
| 1208 | APD0201031 | ĐÀO THỊ THU PHƯƠNG          | 23/10/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.5  |
| 1209 | APD0201032 | HOÀNG MINH PHƯƠNG           | 20/12/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 25    |
| 1210 | APD0201033 | LÊ THỊ HA PHƯƠNG            | 10/03/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 25.3  |
| 1211 | APD0201034 | NGUYỄN ANH PHƯƠNG           | 12/08/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.65 |
| 1212 | APD0201035 | TRẦN THUY QUỲNH             | 26/12/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.5  |
| 1213 | APD0101518 | NGUYỄN THỊ SƠN              | 13/10/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP07 | 28.16 |
| 1214 | APD0106862 | LÊ HUY THANH SƠN            | 09/07/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP03 | 28.5  |
| 1215 | APD0201036 | BUI THỊ THANH TÂM           | 16/09/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 25.75 |
| 1216 | APD0116403 | HOÀNG THỊ THANH THANH       | 01/11/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP08 | 28.4  |
| 1217 | APD0201037 | LÝ VIỆT THÀNH               | 29/06/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.85 |
| 1218 | APD0201038 | ĐINH PHƯƠNG THAO            | 14/07/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 25.25 |
| 1219 | APD0201039 | TRẦN THỊ THANH THAO         | 09/04/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 25    |
| 1220 | APD0201040 | TRƯƠNG PHƯƠNG THAO          | 06/08/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.85 |
| 1221 | APD0110320 | NGUYỄN PHƯƠNG THAO          | 29/01/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP07 | 28    |
| 1222 | APD0115144 | NGUYỄN THANH THAO           | 17/11/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP08 | 27.8  |
| 1223 | APD0125094 | NGUYỄN PHƯƠNG THAO          | 13/05/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP08 | 27.8  |
| 1224 | APD0124578 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THAO      | 16/03/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP08 | 28.2  |
| 1225 | APD0100121 | BUI THỊ HOÀI THOM           | 21/12/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP07 | 27.75 |
| 1226 | APD0201041 | PHẠM THỊ THU                | 12/03/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 25.5  |
| 1227 | APD0201043 | BUI THỊ ANH THU             | 28/04/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.5  |
| 1228 | APD0201044 | NGUYỄN ANH THU              | 21/02/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.75 |
| 1229 | APD0201042 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THUY      | 25/02/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.5  |
| 1230 | APD0109357 | NGÔ THỊ THUY                | 21/11/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP08 | 28.25 |
| 1231 | APD0201045 | TA ĐÌNH TIẾN                | 27/10/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.65 |
| 1232 | APD0201046 | NGUYỄN HƯƠNG TRẠ            | 20/02/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 25.35 |
| 1233 | APD0201050 | LÊ THỊ QUỲNH TRÂM           | 21/03/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.9  |
| 1234 | APD0201047 | ĐINH THỊ TRANG              | 22/10/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 25.05 |
| 1235 | APD0201048 | HÀ THUY TRANG               | 26/08/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 25.05 |
| 1236 | APD0201049 | NGUYỄN NGỌC THẢO TRANG      | 09/07/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 25.15 |
| 1237 | APD0109319 | TRẦN THỊ THUY TRANG         | 05/07/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP08 | 28.8  |
| 1238 | APD0102717 | HOÀNG THU TRANG             | 14/10/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP08 | 28.65 |
| 1239 | APD0108047 | HOÀNG THỊ QUỲNH TRANG       | 01/10/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP08 | 27.95 |
| 1240 | APD0110922 | NGUYỄN THỊ THUY TRANG       | 25/10/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP08 | 28.4  |
| 1241 | APD0115806 | HOÀNG MAI TRANG             | 01/09/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP08 | 29.1  |
| 1242 | APD0112693 | VŨ HUYỀN TRANG              | 06/07/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP08 | 28.8  |
| 1243 | APD0207000 | HÀ HUYỀN TRANG              | 06/11/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 25.2  |
| 1244 | APD0201051 | ĐẶNG XUÂN TRƯỜNG            | 04/07/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.6  |
| 1245 | APD0201052 | HOÀNG CẨM TÚ                | 18/05/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.9  |
| 1246 | APD0201053 | NGÔ THỊ CẨM TÚ              | 23/11/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.8  |
| 1247 | APD0201054 | VŨ MINH TUẤN                | 25/02/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 25.15 |
| 1248 | APD0201055 | VŨ MẠNH TUẤN                | 12/12/2003 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 25    |
| 1249 | APD0201056 | LÊ NGUYỄN TÙNG              | 31/12/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.55 |
| 1250 | APD0201057 | DƯƠNG LINH TUYẾN            | 16/09/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.95 |
| 1251 | APD0201058 | NGUYỄN VĂN BẢO UY           | 23/10/2003 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 25.65 |
| 1252 | APD0201059 | PHẠM TRỊNH NHẢ UYÊN         | 28/03/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.5  |
| 1253 | APD0107872 | ĐẶNG THỊ THU UYÊN           | 11/07/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP07 | 27.71 |
| 1254 | APD0201060 | PHẠM THỊ CẨM VÂN            | 20/03/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 25.3  |
| 1255 | APD0201061 | DƯƠNG LONG VŨ               | 08/01/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 25.55 |
| 1256 | APD0111305 | MAI HÀ VY                   | 08/09/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP08 | 27.9  |
| 1257 | APD0201062 | TRẦN THỊ YẾN                | 10/11/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 25.45 |
| 1258 | APD0201063 | TRẦN HẢI YẾN                | 20/08/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.6  |
| 1259 | APD0201028 | LÊ THỊ KIM OANH             | 11/02/2004 | Ngành Tài chính – Ngân hàng | HCP09 | 24.55 |
|      |            | Ngành Tài chính – Ngân hàng |            | 182                         |       |       |
| 1260 | APD0200783 | BUI THỊ ANH                 | 13/05/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh   | HCP09 | 25.35 |



|      |            |                       |            |                           |       |       |
|------|------------|-----------------------|------------|---------------------------|-------|-------|
| 1261 | APD0200784 | HÀ NGỌC ANH           | 11/10/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.95 |
| 1262 | APD0200785 | LÊ HOÀNG ANH          | 08/08/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.9  |
| 1263 | APD0200786 | LÊ QUỲNH ANH          | 04/01/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.65 |
| 1264 | APD0200787 | NGÔ THỦY ANH          | 17/09/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.5  |
| 1265 | APD0200788 | NGUYỄN DUY ANH        | 15/07/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.9  |
| 1266 | APD0200789 | NGUYỄN THỊ NGỌC ANH   | 21/07/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.65 |
| 1267 | APD0200791 | PHẠM THỊ LAN ANH      | 23/11/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.3  |
| 1268 | APD0200792 | PHÙNG THỊ VĂN ANH     | 24/03/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.6  |
| 1269 | APD0105193 | BÙI THỊ PHƯƠNG ANH    | 03/07/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP07 | 27.58 |
| 1270 | APD0100610 | ĐINH TRẦN TỬ ANH      | 14/11/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 27.8  |
| 1271 | APD0116548 | NGUYỄN THỊ LAN ANH    | 20/12/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 28.25 |
| 1272 | APD0112350 | NGUYỄN THỊ HUỖN ANH   | 02/03/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 27.95 |
| 1273 | APD0106567 | PHẠM THỊ MINH ANH     | 20/08/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 27.95 |
| 1274 | APD0100669 | LƯU THỊ HÀ ANH        | 09/06/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 27.85 |
| 1275 | APD0113045 | LÊ THỊ VĂN ANH        | 11/02/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 27.9  |
| 1276 | APD0200793 | ĐỖ MINH ANH           | 23/09/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.85 |
| 1277 | APD0200795 | NGUYỄN THỊ HỒNG ANH   | 01/10/2003 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.65 |
| 1278 | APD0104252 | NGUYỄN THỊ NGỌC ANH   | 24/07/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 27.8  |
| 1279 | APD0103299 | TRẦN NGỌC ANH         | 22/02/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 27.9  |
| 1280 | APD0200796 | NGUYỄN DUY CHAU BẢO   | 24/08/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.1  |
| 1281 | APD0200797 | ĐOÀN TRỌNG BÌNH       | 17/12/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.55 |
| 1282 | APD0200798 | NGUYỄN THỊ THANH BÌNH | 14/10/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.8  |
| 1283 | APD0200799 | NGUYỄN THỊ CHÂM       | 21/03/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.9  |
| 1284 | APD0200800 | LÊ BẢO CHÍ            | 13/08/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.65 |
| 1285 | APD0200801 | LƯƠNG MẠI CHÍ         | 18/07/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 26.15 |
| 1286 | APD0200802 | NGUYỄN THỊ LAN CHÍ    | 28/05/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.2  |
| 1287 | APD0200803 | TRẦN THỊ HÀ CHÍ       | 11/01/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.6  |
| 1288 | APD0200804 | ĐỖ THUY CHINH         | 31/08/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.75 |
| 1289 | APD0200817 | BÙI QUANG ĐĂNG        | 19/06/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.9  |
| 1290 | APD0105265 | PHAN BÀ CÔNG ĐĂNG     | 04/01/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP07 | 27.58 |
| 1291 | APD0101410 | DƯƠNG QUỐC ĐẠT        | 13/12/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 28.1  |
| 1292 | APD0200805 | ĐỖ LƯU HỒNG DIỆM      | 09/01/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.3  |
| 1293 | APD0200806 | HOÀNG KHÁNH DIỆP      | 10/11/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.5  |
| 1294 | APD0200807 | LÝ THỊ DIỆP           | 28/03/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.55 |
| 1295 | APD0200818 | VY THỊ ĐOÀI           | 12/05/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.75 |
| 1296 | APD0200819 | NGUYỄN THỊ ĐỒNG       | 15/04/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.65 |
| 1297 | APD0101728 | LÊ MINH ĐỨC           | 01/02/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 28.05 |
| 1298 | APD0200808 | HOÀNG THUY DUNG       | 28/06/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.25 |
| 1299 | APD0200809 | TRẦN THỊ VĂN DUNG     | 19/04/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.2  |
| 1300 | APD0124188 | LÊ KIỀU DUNG          | 07/10/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 28.45 |
| 1301 | APD0200813 | LÊ NGỌC DƯƠNG         | 12/08/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.35 |
| 1302 | APD0200814 | NGUYỄN THUY DƯƠNG     | 19/09/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.5  |
| 1303 | APD0200815 | NGUYỄN TÙNG DƯƠNG     | 01/09/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.35 |
| 1304 | APD0108871 | LÊ NGỌC DƯƠNG         | 04/06/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 28    |
| 1305 | APD0200810 | NGUYỄN ĐÌNH DUY       | 08/07/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.35 |
| 1306 | APD0200811 | DƯƠNG THỊ DUYỄN       | 13/11/2003 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.45 |
| 1307 | APD0200812 | LÊ THỊ ANH DUYỄN      | 19/05/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.95 |
| 1308 | APD0122547 | NGUYỄN NGÔ HỒNG DUYỄN | 21/07/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 28    |
| 1309 | APD0200820 | HÀ THU HÀ             | 12/10/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.5  |
| 1310 | APD0200821 | HOÀNG MINH HÀ         | 18/07/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.8  |
| 1311 | APD0200822 | LÊ THỊ HÀ             | 18/09/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.15 |
| 1312 | APD0200823 | NGUYỄN THỊ BÍCH HÀ    | 07/01/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.55 |
| 1313 | APD0200824 | NGUYỄN THỊ HÀ         | 14/10/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.55 |
| 1314 | APD0105284 | LÊ THỊ THU HÀ         | 26/04/2003 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 28.2  |
| 1315 | APD0101703 | NGUYỄN NGỌC HÀ        | 30/03/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 28.2  |
| 1316 | APD0100164 | NGUYỄN THANH HÀ       | 10/12/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 28.1  |
| 1317 | APD0200825 | CƯ ĐOÀN SƠN HẢI       | 20/08/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.8  |
| 1318 | APD0200826 | BÙI THỊ MỸ HẠNH       | 13/04/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.25 |
| 1319 | APD0200827 | NGUYỄN THỊ THU HIỀN   | 23/11/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.6  |
| 1320 | APD0101750 | PHẠM THỊ HIỀN         | 24/09/2002 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 28.35 |
| 1321 | APD0200828 | NGUYỄN THỊ HIỆP       | 19/10/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.95 |
| 1322 | APD0200829 | NGUYỄN ĐỨC HIẾU       | 07/05/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.25 |
| 1323 | APD0122263 | NGÔ MINH HIẾU         | 27/04/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 27.9  |
| 1324 | APD0124015 | PHẠM HOÀNG ĐÌNH HIẾU  | 04/12/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 28.2  |
| 1325 | APD0200830 | NGUYỄN THỊ QUỲNH HOA  | 15/03/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.8  |
| 1326 | APD0200832 | TRẦN THANH HOÀI       | 26/10/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.2  |
| 1327 | APD0114102 | PHAN THỊ THU HOÀI     | 28/02/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP07 | 28.39 |
| 1328 | APD0200833 | VŨ ĐÌNH HOAN          | 11/02/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.65 |
| 1329 | APD0200834 | NGUYỄN MINH HOÀNG     | 16/06/2003 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.75 |
| 1330 | APD0110099 | TRẦN HUY HOÀNG        | 28/08/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP03 | 30.25 |
| 1331 | APD0117236 | NGUYỄN ĐỨC HUY HOÀNG  | 28/09/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 28.25 |



|      |            |                       |            |                           |       |       |
|------|------------|-----------------------|------------|---------------------------|-------|-------|
| 1332 | APD0200835 | NGUYỄN THỊ THU HỒNG   | 08/03/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.75 |
| 1333 | APD0110914 | TRIỆU KIM HUỆ         | 17/02/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 29.2  |
| 1334 | APD0200837 | CHU THỊ HƯƠNG         | 22/04/2003 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.35 |
| 1335 | APD0200838 | NGUYỄN THỊ HƯƠNG      | 25/03/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.6  |
| 1336 | APD0200839 | NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG  | 01/06/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.85 |
| 1337 | APD0200840 | NGUYỄN VŨ THU HƯƠNG   | 21/02/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.75 |
| 1338 | APD0200842 | TRẦN THỊ HƯƠNG        | 16/04/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.5  |
| 1339 | APD0105558 | NGUYỄN THÚY HƯƠNG     | 28/01/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 27.95 |
| 1340 | APD0200836 | VŨ THỊ MỸ HUỖN        | 01/09/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.75 |
| 1341 | APD0100838 | PHẠM THỊ MINH HUỖN    | 05/02/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP07 | 27.52 |
| 1342 | APD0111804 | VŨ THANH HUỖN         | 08/02/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP07 | 27.53 |
| 1343 | APD0104523 | NGÔ THỊ THANH HUỖN    | 05/12/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 27.95 |
| 1344 | APD0113885 | NGUYỄN THỊ THU HUỖN   | 30/08/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 27.8  |
| 1345 | APD0102924 | ĐẶNG THU HUỖN         | 23/07/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | DGNL  | 18.7  |
| 1346 | APD0124925 | LÊ THỊ HẠ KHANG       | 19/03/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 27.8  |
| 1347 | APD0110350 | NGUYỄN BẢO KHÁNH      | 08/07/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 27.85 |
| 1348 | APD0101703 | NGUYỄN ĐĂNG KHOA      | 12/12/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 28.4  |
| 1349 | APD0108283 | PHẠM LÊ TUẤN KHÔI     | 16/12/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP07 | 27.91 |
| 1350 | APD0200844 | LÊ MINH KHUÊ          | 08/07/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.75 |
| 1351 | APD0123657 | BUI TRUNG KIẾN        | 29/08/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 28.1  |
| 1352 | APD0200847 | NGUYỄN THỊ HƯƠNG LAN  | 29/06/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.15 |
| 1353 | APD0200848 | TRẦN MAI LAN          | 24/04/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25    |
| 1354 | APD0200849 | NGUYỄN THỊ NGỌC LÊ    | 17/03/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.5  |
| 1355 | APD0200850 | PHẠM NGỌC LÊ          | 26/10/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.9  |
| 1356 | APD0101344 | BÀN HỮU LIÊM          | 15/03/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 28    |
| 1357 | APD0200851 | LÊ THỊ KHÁNH LINH     | 15/09/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.75 |
| 1358 | APD0200852 | LÊ THỊ THỦY LINH      | 02/01/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.25 |
| 1359 | APD0200853 | NGUYỄN KHÁNH LINH     | 07/04/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.9  |
| 1360 | APD0200854 | NGUYỄN KHÁNH LINH     | 30/12/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.65 |
| 1361 | APD0200855 | NGUYỄN THỊ HẠ LINH    | 26/10/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.95 |
| 1362 | APD0200856 | NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH | 17/12/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.05 |
| 1363 | APD0200857 | NGUYỄN THỊ THỦY LINH  | 17/11/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.75 |
| 1364 | APD0200858 | PHAN THỊ THỦY LINH    | 07/02/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.8  |
| 1365 | APD0200859 | TRẦN KHÁNH LINH       | 17/03/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.9  |
| 1366 | APD0110020 | ĐỖ THỊ NGỌC LINH      | 17/12/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 28.15 |
| 1367 | APD0110677 | NGUYỄN THỊ NGỌC LINH  | 16/10/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 28.35 |
| 1368 | APD0104405 | LÊ ANH LINH           | 17/07/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 27.8  |
| 1369 | APD0124120 | NGUYỄN THỊ THỦY LINH  | 22/06/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 27.8  |
| 1370 | APD0115143 | NGUYỄN THỊ TIÊU LINH  | 05/09/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 27.8  |
| 1371 | APD0200860 | NGUYỄN THỊ LOAN       | 18/08/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.8  |
| 1372 | APD0200861 | NGUYỄN THỦY LOAN      | 23/12/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.5  |
| 1373 | APD0111045 | NGUYỄN THỊ MAI LOAN   | 06/09/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 27.8  |
| 1374 | APD0103085 | NGUYỄN XUÂN LỰC       | 28/06/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 27.85 |
| 1375 | APD0200862 | HOÀNG KHÁNH LY        | 01/01/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.65 |
| 1376 | APD0200863 | HÀU THỊ KIM LY        | 19/10/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.35 |
| 1377 | APD0124290 | NGUYỄN KHÁNH LY       | 07/10/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 28.3  |
| 1378 | APD0113251 | KIỀU THỊ KHÁNH LY     | 14/05/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 28.2  |
| 1379 | APD0200865 | ĐỖ THỊ NGỌC MAI       | 10/03/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.95 |
| 1380 | APD0200866 | ĐINH QUỲNH MAI        | 24/11/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.15 |
| 1381 | APD0200867 | PHẠM HUỖN MAI         | 08/01/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.4  |
| 1382 | APD0112189 | TRẦN NHẬT MAI         | 28/09/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 28.15 |
| 1383 | APD0124900 | NGUYỄN THỊ NHẬT MINH  | 01/01/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 28.05 |
| 1384 | APD0120224 | NGUYỄN TRẦN MY        | 12/11/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 27.85 |
| 1385 | APD0102759 | TRƯƠNG HÀ MY          | 07/10/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 27.85 |
| 1386 | APD0200868 | ĐỖ THỊ THỦY NGA       | 02/01/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.1  |
| 1387 | APD0118780 | MA DIỆU NGA           | 10/01/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 27.85 |
| 1388 | APD0200870 | ĐỖ THỊ NGÂN           | 28/03/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.2  |
| 1389 | APD0200871 | NGUYỄN THỊ KIM NGÂN   | 20/03/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 26.3  |
| 1390 | APD0200872 | NGUYỄN THỊ THỦY NGÂN  | 14/01/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.7  |
| 1391 | APD0200869 | LÊ THỊ HỒNG NGÁT      | 01/02/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.55 |
| 1392 | APD0200873 | ĐẶNG THỊ BÍCH NGỌC    | 03/07/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.25 |
| 1393 | APD0120275 | NGUYỄN THỊ NGỌC       | 09/08/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 27.8  |
| 1394 | APD0111409 | HOÀNG BẢO NGỌC        | 21/08/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 28.1  |
| 1395 | APD0200875 | TRỊNH HẠNH NGUYỄN     | 10/10/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25    |
| 1396 | APD0200876 | ĐÀM THỊ HỒNG NGUYỆT   | 02/02/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.5  |
| 1397 | APD0200877 | NGUYỄN THANH NHÀN     | 14/04/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.05 |
| 1398 | APD0200878 | NGUYỄN THỊ YẾN NHI    | 22/12/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.05 |
| 1399 | APD0200879 | TRẦN THỊ YẾN NHI      | 21/02/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.4  |
| 1400 | APD0200881 | TRỊNH HỒNG NHUNG      | 12/06/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.3  |
| 1401 | APD0200882 | VƯƠNG HỒNG NHUNG      | 04/06/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25    |
| 1402 | APD0107868 | ĐINH THỊ TUYẾT NHUNG  | 09/09/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 28.25 |



|      |            |                        |            |                           |       |       |
|------|------------|------------------------|------------|---------------------------|-------|-------|
| 1403 | APD0104357 | TRẦN THỊ TUYẾT NHUNG   | 24/11/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 28.35 |
| 1404 | APD0200883 | LÊ TRIỆU NINH          | 11/11/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.8  |
| 1405 | APD0200884 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG OANH | 17/10/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25    |
| 1406 | APD0101620 | ĐÀO THỊ KIM OANH       | 25/01/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 27.8  |
| 1407 | APD0115401 | NGUYỄN THỊ KIM OANH    | 20/09/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 28.05 |
| 1408 | APD0104222 | PHÍ KIỀU OANH          | 25/05/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 27.95 |
| 1409 | APD0125301 | ÂU THẾ PHONG           | 31/10/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP03 | 28.5  |
| 1410 | APD0200885 | NGUYỄN VĂN PHÚ         | 18/04/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.45 |
| 1411 | APD0200886 | BUI NGỌC PHÚC          | 17/07/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.95 |
| 1412 | APD0200887 | NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG  | 21/07/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.6  |
| 1413 | APD0200888 | NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG  | 14/06/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.7  |
| 1414 | APD0200889 | TRẦN THỊ THU PHƯƠNG    | 15/09/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.85 |
| 1415 | APD0113418 | NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG | 04/12/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 27.9  |
| 1416 | APD0100843 | NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG | 17/06/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 28.4  |
| 1417 | APD0125249 | TRỊNH THU PHƯƠNG       | 01/09/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 27.85 |
| 1418 | APD0200890 | NGUYỄN THỊ PHƯỢNG      | 26/06/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.1  |
| 1419 | APD0124938 | NGUYỄN THỊ PHƯỢNG      | 11/11/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 28.1  |
| 1420 | APD0200891 | PHẠM MINH QUÂN         | 23/11/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.2  |
| 1421 | APD0200892 | DUƠNG THỊ DIỄM QUỲNH   | 27/07/2003 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.5  |
| 1422 | APD0114751 | LÊ THỊ QUỲNH           | 11/01/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP07 | 27.77 |
| 1423 | APD0100952 | LÊ THỊ QUỲNH           | 08/03/2003 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 28.35 |
| 1424 | APD0104852 | NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH   | 13/05/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 27.85 |
| 1425 | APD0104661 | PHẠM NHƯ QUỲNH         | 16/06/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 28.3  |
| 1426 | APD0200893 | NGUYỄN THỊ TÂM         | 22/05/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.2  |
| 1427 | APD0200894 | TÔ THANH TÂM           | 24/11/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.55 |
| 1428 | APD0200895 | TRẦN TẤT TÂM           | 01/02/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.05 |
| 1429 | APD0106850 | PHẠM THỊ TÂM           | 09/06/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP07 | 27.6  |
| 1430 | APD0119384 | HOÀNG CÔNG THẮNG       | 01/02/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | DGNL  | 19.45 |
| 1431 | APD0112053 | NGUYỄN PHƯƠNG THANH    | 13/09/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 28.8  |
| 1432 | APD0200897 | ĐỒNG THỊ MINH THẢO     | 26/04/2003 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.1  |
| 1433 | APD0200898 | HOÀNG BUI THANH THẢO   | 19/11/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25    |
| 1434 | APD0200899 | NGÔ PHƯƠNG THẢO        | 17/12/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.5  |
| 1435 | APD0200900 | NGUYỄN PHƯƠNG THẢO     | 15/09/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.7  |
| 1436 | APD0200901 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO | 05/08/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.6  |
| 1437 | APD0200903 | NGUYỄN THANH THẢO      | 02/11/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.9  |
| 1438 | APD0200904 | TRẦN HOÀNG THU THẢO    | 21/09/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 26.45 |
| 1439 | APD0200905 | VŨ THỊ THANH THẢO      | 19/07/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.65 |
| 1440 | APD0200907 | LẠI THẾ THIÊN          | 04/05/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.55 |
| 1441 | APD0200908 | NGUYỄN THỊ THIẾT       | 27/03/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 26.15 |
| 1442 | APD0200909 | ĐINH KIM THOẠI         | 24/01/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25    |
| 1443 | APD0200911 | NGUYỄN THỊ THƠM        | 26/03/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.95 |
| 1444 | APD0200916 | CHU THỊ THƯ            | 05/09/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.7  |
| 1445 | APD0200917 | NGUYỄN THỊ THANH THƯ   | 07/01/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.3  |
| 1446 | APD0102903 | LÊ THIÊN THƯ           | 19/08/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP03 | 29.25 |
| 1447 | APD0200912 | KIỀU DUY THUẬN         | 10/08/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.5  |
| 1448 | APD0200913 | NGUYỄN THỊ THUẬN       | 17/03/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.8  |
| 1449 | APD0200915 | TRỊNH THỊ PHƯƠNG THÚY  | 26/07/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.25 |
| 1450 | APD0200914 | NGUYỄN THỊ THÚY        | 03/10/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.95 |
| 1451 | APD0115075 | TRẦN THỊ THU THÚY      | 01/07/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP07 | 27.65 |
| 1452 | APD0109645 | BUI THỊ HÀ TIỀN        | 28/09/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 27.8  |
| 1453 | APD0200918 | LÊ VĂN TIỀN            | 12/01/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.2  |
| 1454 | APD0200919 | NGUYỄN VĂN TIỀN        | 12/01/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.65 |
| 1455 | APD0111460 | ĐÀM ANH TIỀN           | 14/10/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 28.4  |
| 1456 | APD0200920 | BUI MINH MẠNH TRÁ      | 18/03/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.55 |
| 1457 | APD0200921 | LÊ THỊ THÙY TRANG      | 09/01/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.65 |
| 1458 | APD0200922 | NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG  | 03/09/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.5  |
| 1459 | APD0200923 | NGUYỄN THỊ THẢO TRANG  | 21/09/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.6  |
| 1460 | APD0200924 | NGUYỄN THỊ VÂN TRANG   | 17/01/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.65 |
| 1461 | APD0200925 | TRẦN HUYỀN TRANG       | 22/06/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.65 |
| 1462 | APD0200926 | TRẦN THỊ THU TRANG     | 02/10/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.4  |
| 1463 | APD0121192 | NGUYỄN THỊ MINH TRANG  | 28/02/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP07 | 28.09 |
| 1464 | APD0107783 | NGUYỄN THỊ TRANG       | 04/02/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP07 | 28.09 |
| 1465 | APD0112851 | NGUYỄN THỊ THU TRANG   | 11/12/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 28.35 |
| 1466 | APD0110919 | NGUYỄN THỊ TRANG       | 05/01/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 28.05 |
| 1467 | APD0110411 | BÀN ÁNH TRANG          | 13/03/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 28    |
| 1468 | APD0114126 | ĐỖ THU TRANG           | 29/03/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 27.95 |
| 1469 | APD0109519 | ĐẶNG THU TRANG         | 03/11/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 28.35 |
| 1470 | APD0103906 | MA THỊ HUYỀN TRANG     | 17/10/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 29.25 |
| 1471 | APD0200927 | NGUYỄN VIỆT TRƯỞNG     | 16/03/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.95 |
| 1472 | APD0200928 | NGUYỄN NGỌC TỬ         | 24/08/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.85 |
| 1473 | APD0121757 | LÊ CẨM TỬ              | 12/07/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 28.35 |



|      |            |                           |            |                           |       |       |
|------|------------|---------------------------|------------|---------------------------|-------|-------|
| 1474 | APD0200929 | NGUYỄN ĐỨC TUẤN           | 31/05/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.95 |
| 1475 | APD0200930 | NGUYỄN THỊ ANH TUYẾT      | 03/07/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.9  |
| 1476 | APD0200931 | PHẠM THỊ ANH TUYẾT        | 30/11/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 26.6  |
| 1477 | APD0200932 | PHẠM PHƯƠNG UYÊN          | 16/04/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25    |
| 1478 | APD0112557 | HỒ THỊ TÚ UYÊN            | 12/07/2003 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP07 | 27.9  |
| 1479 | APD0117152 | VŨ HỒ HẢI VÂN             | 02/07/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 28.65 |
| 1480 | APD0200933 | ĐÀO THỊ VINH              | 24/03/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.85 |
| 1481 | APD0116963 | ĐẶNG THỊ VUI              | 23/02/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP01 | 27.5  |
| 1482 | APD0200934 | NGUYỄN THỊ YẾN            | 17/04/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 25.8  |
| 1483 | APD0200935 | TRẦN HẢI YẾN              | 24/02/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP09 | 24.95 |
| 1484 | APD0116951 | NGÔ THỊ HẢI YẾN           | 07/12/2004 | Ngành Quản trị kinh doanh | HCP08 | 27.8  |
|      |            | Ngành Quản trị kinh doanh |            | 225                       |       |       |
| 1485 | APD0200001 | NGUYỄN HÙNG AN            | 16/02/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP09 | 33.73 |
| 1486 | APD0200002 | NGUYỄN PHÚC THU AN        | 25/03/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP09 | 31.28 |
| 1487 | APD0200003 | NGUYỄN THỊ NGỌC AN        | 21/03/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP09 | 31.32 |
| 1488 | APD0200005 | ĐÀO PHƯƠNG ANH            | 12/08/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP09 | 33.2  |
| 1489 | APD0200007 | LƯU THỊ LAN ANH           | 16/12/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP09 | 31.52 |
| 1490 | APD0200008 | LÝ QUỲNH ANH              | 12/09/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP09 | 32.72 |
| 1491 | APD0200009 | NGUYỄN LAN ANH            | 11/02/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP09 | 33.43 |
| 1492 | APD0200011 | NGUYỄN THUY ANH           | 28/03/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP09 | 32.77 |
| 1493 | APD0200012 | PHẠM ĐOÀN VĂN ANH         | 20/04/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP09 | 32.43 |
| 1494 | APD0200013 | PHẠM LAN ANH              | 06/02/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP09 | 30.93 |
| 1495 | APD0200014 | TRƯƠNG QUỲNH ANH          | 05/07/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP09 | 31.28 |
| 1496 | APD0200015 | VŨ QUỲNH ANH              | 05/11/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP09 | 30.8  |
| 1497 | APD0116075 | NGÔ THỊ MINH ANH          | 26/03/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP08 | 39.25 |
| 1498 | APD0116326 | TRẦN THỊ QUỲNH ANH        | 23/12/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP08 | 38.25 |
| 1499 | APD0200016 | ĐẶNG NGỌC ANH             | 01/05/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP09 | 32.15 |
| 1500 | APD0200017 | MAI THỊ NGỌC ANH          | 03/06/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP09 | 31.23 |
| 1501 | APD0200018 | NGUYỄN HẢI BÌNH           | 16/02/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP09 | 32.38 |
| 1502 | APD0200019 | NGUYỄN THỊ AN BÌNH        | 05/11/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP09 | 31.13 |
| 1503 | APD0200020 | NGUYỄN THỊ NGỌC CHÂM      | 09/08/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP09 | 32.43 |
| 1504 | APD0200022 | NGUYỄN VĂN CHUNG          | 07/01/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP09 | 31.28 |
| 1505 | APD0200023 | LÀNG NHẬT CƯỜNG           | 12/02/2003 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP09 | 32.67 |
| 1506 | APD0117262 | TẠ CÔNG ĐỖ                | 19/07/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP08 | 36.7  |
| 1507 | APD0200027 | LÊ ĐÌNH MINH ĐỨC          | 30/08/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP09 | 32.92 |
| 1508 | APD0200024 | ĐỖ THUY DUNG              | 02/01/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP09 | 31.25 |
| 1509 | APD0200026 | MAI THUY DƯƠNG            | 01/01/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP09 | 31.98 |
| 1510 | APD0119711 | TRẦN THỊ THUY DƯƠNG       | 13/09/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP08 | 36.75 |
| 1511 | APD0200025 | NGUYỄN THỊ DUYỀN          | 29/10/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP09 | 34.48 |
| 1512 | APD0200028 | NGUYỄN THỊ THANH HẰNG     | 21/09/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP09 | 30.83 |
| 1513 | APD0107911 | NGUYỄN HỒNG HẠNH          | 29/12/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP07 | 36.61 |
| 1514 | APD0200029 | HÀ THU HIỀN               | 23/09/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP09 | 31.93 |
| 1515 | APD0200030 | NGUYỄN THU HIỀN           | 12/02/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP09 | 34.88 |
| 1516 | APD0200031 | LÊ XUÂN HIỆP              | 20/05/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP09 | 31.37 |
| 1517 | APD0200032 | NGUYỄN THỊ THANH HOA      | 05/01/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP09 | 31.1  |
| 1518 | APD0200033 | TRẦN MỸ HOA               | 12/02/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP09 | 33.05 |
| 1519 | APD0200034 | BÙI THỊ KHÁNH HÒA         | 21/09/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP09 | 32.72 |
| 1520 | APD0200036 | NGUYỄN VIỆT HOÀNG         | 26/08/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP09 | 34.02 |
| 1521 | APD0200037 | NGUYỄN THỊ ANH HỒNG       | 15/08/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP09 | 32.08 |
| 1522 | APD0200039 | ĐỖ THỊ THU HƯƠNG          | 21/06/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP09 | 31.58 |
| 1523 | APD0200040 | LÊ NGUYỄN THU HƯƠNG       | 15/08/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP09 | 31.72 |
| 1524 | APD0118274 | NGUYỄN THỊ HƯƠNG          | 01/11/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP08 | 36.75 |
| 1525 | APD0200038 | ĐẶNG THỊ KHÁNH HUYỀN      | 16/11/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP09 | 31.98 |
| 1526 | APD0124495 | ĐÌNH NGỌC HUYỀN           | 04/06/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP08 | 36.9  |
| 1527 | APD0200041 | TRỊNH BÁ KIẾT             | 18/10/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP09 | 31.05 |
| 1528 | APD0200042 | NGUYỄN THỊ HỒNG LIÊN      | 06/07/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP09 | 31.68 |
| 1529 | APD0200043 | BÙI THỊ KHÁNH LINH        | 30/11/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP09 | 31.28 |
| 1530 | APD0200044 | HÀ HOÀNG HẢI LINH         | 25/11/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP09 | 32.3  |
| 1531 | APD0200045 | LÊ THUY LINH              | 26/06/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP09 | 31.93 |
| 1532 | APD0200046 | NGÔ THỊ PHƯƠNG LINH       | 09/05/2003 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP09 | 32.12 |
| 1533 | APD0200047 | NGUYỄN THỊ NHẬT LINH      | 04/08/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP09 | 31.58 |
| 1534 | APD0200048 | NGUYỄN TRỊNH HẢI LINH     | 05/06/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP09 | 32.48 |
| 1535 | APD0103016 | NGUYỄN PHƯƠNG LINH        | 07/01/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP07 | 36.25 |
| 1536 | APD0115762 | NGUYỄN NGỌC LINH          | 15/12/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP07 | 36.22 |
| 1537 | APD0108229 | TRỊNH THỊ HOÀI LINH       | 06/06/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP08 | 37.55 |
| 1538 | APD0106748 | NGUYỄN HẢI LINH           | 19/07/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP08 | 37.9  |
| 1539 | APD0200049 | BÙI KHÁNH LY              | 25/07/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP09 | 30.8  |
| 1540 | APD0200050 | PHẠM PHƯƠNG LY            | 02/04/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP09 | 31.65 |
| 1541 | APD0200051 | CÁN THỊ LÝ                | 23/08/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP09 | 33.03 |
| 1542 | APD0200052 | ĐỖ THỊ MAI                | 26/08/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP09 | 31.07 |
| 1543 | APD0200053 | NGUYỄN NGỌC MAI           | 25/09/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh        | HCP09 | 32.43 |



|      |            |                         |            |                    |       |       |
|------|------------|-------------------------|------------|--------------------|-------|-------|
| 1544 | APD0200054 | NGUYỄN THANH MAI        | 16/07/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh | HCP09 | 32.67 |
| 1545 | APD0200055 | NGUYỄN HUY MẠNH         | 30/10/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh | HCP09 | 32.53 |
| 1546 | APD0200056 | NGUYỄN THỊ HỒNG MÂY     | 24/11/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh | HCP09 | 32.78 |
| 1547 | APD0200057 | NGUYỄN THỊ MIỀN         | 27/11/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh | HCP09 | 33.33 |
| 1548 | APD0109946 | NGUYỄN THỊ TRẢ MỸ       | 21/02/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh | HCP08 | 36.75 |
| 1549 | APD0200059 | NGUYỄN ĐỨC NAM          | 26/09/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh | HCP09 | 32.6  |
| 1550 | APD0200060 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NGÂN  | 14/07/2003 | Ngành Ngôn ngữ Anh | HCP09 | 30.83 |
| 1551 | APD0200061 | TRỊNH THỊ KIM NGÂN      | 08/06/2003 | Ngành Ngôn ngữ Anh | HCP09 | 32.13 |
| 1552 | APD0200062 | LÊ THỊ NGỌC             | 18/05/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh | HCP09 | 32.67 |
| 1553 | APD0111903 | NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUỲNH  | 27/01/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh | HCP08 | 37.15 |
| 1554 | APD0107472 | NGUYỄN TÚ QUỲNH         | 24/01/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh | HCP08 | 36.8  |
| 1555 | APD0200063 | MA ANH NGUYỆT           | 05/09/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh | HCP09 | 31.32 |
| 1556 | APD0200064 | NGUYỄN THỊ YẾN NHI      | 16/09/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh | HCP09 | 32.23 |
| 1557 | APD0200065 | NGUYỄN YẾN NHI          | 25/10/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh | HCP09 | 32.6  |
| 1558 | APD0200066 | LÊ THỊ NHUNG            | 21/05/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh | HCP09 | 31.88 |
| 1559 | APD0200067 | NGUYỄN PHƯƠNG NHUNG     | 10/10/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh | HCP09 | 31.78 |
| 1560 | APD0113949 | TRẦN THỊ CẨM NHUNG      | 10/07/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh | HCP08 | 36.5  |
| 1561 | APD0200068 | NGUYỄN LAN PHƯƠNG       | 20/08/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh | HCP09 | 30.88 |
| 1562 | APD0200069 | TRẦN THỊ HÀ PHƯƠNG      | 10/02/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh | HCP09 | 31.92 |
| 1563 | APD0200070 | TRẦN THỊ MINH PHƯƠNG    | 11/11/2003 | Ngành Ngôn ngữ Anh | HCP09 | 31.78 |
| 1564 | APD0200071 | LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG      | 27/09/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh | HCP09 | 32.63 |
| 1565 | APD0200072 | NGUYỄN THỊ PHƯỢNG       | 27/03/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh | HCP09 | 31.33 |
| 1566 | APD0200074 | MAI THỊ SEN             | 17/10/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh | HCP09 | 31.47 |
| 1567 | APD0111064 | NGUYỄN THỊ TÂM          | 08/11/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh | HCP08 | 39.05 |
| 1568 | APD0200075 | BÙI CÔNG TÂN            | 10/11/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh | HCP09 | 31.18 |
| 1569 | APD0200076 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THANH | 05/12/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh | HCP09 | 30.95 |
| 1570 | APD0124303 | BÙI VĂN THANH           | 11/05/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh | HCP08 | 37    |
| 1571 | APD0200077 | CAO THỊ THANH THẢO      | 28/05/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh | HCP09 | 32.23 |
| 1572 | APD0200078 | LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO      | 01/07/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh | HCP09 | 32.02 |
| 1573 | APD0200079 | VĂN THỊ THU             | 25/08/2003 | Ngành Ngôn ngữ Anh | HCP09 | 32.18 |
| 1574 | APD0200083 | ĐINH THỊ MINH THƯ       | 15/10/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh | HCP09 | 32.82 |
| 1575 | APD0200084 | PHẠM HUỲNH THƯ          | 02/11/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh | HCP09 | 31.5  |
| 1576 | APD0200085 | LÊ THỊ THƯƠNG           | 24/02/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh | HCP09 | 31.53 |
| 1577 | APD0200081 | PHẠM THỊ THỦY           | 21/04/2003 | Ngành Ngôn ngữ Anh | HCP09 | 31.62 |
| 1578 | APD0200082 | TRẦN THỊ THANH THỦY     | 06/04/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh | HCP09 | 31.52 |
| 1579 | APD0200080 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THỦY  | 07/12/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh | HCP09 | 31.38 |
| 1580 | APD0200086 | CÚ QUỲNH TRANG          | 22/02/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh | HCP09 | 31.8  |
| 1581 | APD0200087 | ĐINH THỊ TRANG          | 16/01/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh | HCP09 | 30.92 |
| 1582 | APD0200088 | LÊ THỊ NGỌC TRANG       | 24/02/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh | HCP09 | 32.88 |
| 1583 | APD0200089 | PHẠM QUỲNH TRANG        | 20/07/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh | HCP09 | 30.98 |
| 1584 | APD0200090 | LÊ MỸ TRINH             | 25/08/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh | HCP09 | 30.87 |
| 1585 | APD0124692 | HÀ THANH TUYỀN          | 12/04/2004 | Ngành Ngôn ngữ Anh | HCP08 | 36.75 |
|      |            | Ngành Ngôn ngữ Anh      |            |                    | 101   |       |
|      |            | Tổng                    |            |                    | 1585  |       |